

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /QĐ-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ Hội thi Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh
năm học 2025 – 2026

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Tổ chức Hội thi Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 5922/KH-SGDĐT ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Tổ chức Hội thi Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025 – 2026;

Theo đề nghị của Phòng Học sinh, sinh viên thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội thi Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025 – 2026 (gọi tắt là Hội thi TDTT).

Điều 2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến kết thúc Hội thi TDTT.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Học sinh, sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Trưởng phòng Giáo dục phổ thông, Trưởng phòng Giáo dục Thường xuyên – Nghề nghiệp và Đại học, Trưởng phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập, Giám đốc các Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố, các đơn vị, cá nhân liên quan và các vận động viên (học sinh) tham dự Hội thi TDTT chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- BGĐ Sở GDĐT (để biết);
- Sở VHTT (để phối hợp);
- UBND phường, xã, đặc khu (để phối hợp);
- Lưu: VT, HSSV (Nh).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
Hội thi Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh
năm học 2025 – 2026

*(Ban hành theo Quyết định số: 56 /QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 01 năm 2026
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bộ nhận diện của Hội thi

Tên và Biểu tượng của Hội thi Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025 - 2026 được thống nhất ở tất cả các môn thi, được thể hiện ở các biểu ngữ, áp phích, phong trang trí và cờ thưởng (theo mẫu).



Xanh lá: C100, Y100; **Xanh dương:** C100; **Vàng:** Y100; **Đỏ:** M100 Y100; **Đen:** K100

Điều 2. Các môn thi đấu cấp thành phố

1. Môn thi và số nội dung thi cấp thành phố

1.1. Số môn thi (20 môn): Điền kinh, Bơi, Bóng bàn, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng ném, Cầu lông, Cờ vua, Cờ tướng, Vovinam, Bì sắt, Đá cầu, Đẩy gậy, Kéo co, Taekwondo, Thể dục Aerobic & Thể dục cổ động, Võ cổ truyền, Karate, Judo.

1.2. Số nội dung thi (856 nội dung): Tiểu học 243; THCS 350; THPT 263 *(đính kèm phụ lục chi tiết)*.

2. Thời gian, địa điểm: theo Điều lệ của từng môn thể thao tại Chương II.

2.1. Vòng loại: tùy theo thực tế đăng ký của từng môn, Ban tổ chức sẽ tổ chức thi đấu vòng loại tại ba khu vực I, II, III hoặc bốc thăm thi đấu vòng loại tại các cụm chuyên môn.

2.2. Chung kết: căn cứ kết quả vòng loại để chọn học sinh vào vòng chung kết theo thứ tự thành tích từ cao xuống thấp theo số lượng quy định của từng môn.

Điều 3. Đăng ký thi đấu

1. Thời gian đăng ký thi đấu

1.1. Đăng ký giai đoạn 1: các nội dung thi đấu từng môn trước 15 ngày tính đến ngày họp chuyên môn đối với các môn thi diễn ra từ tháng 1-2/2026.

1.2. Đăng ký giai đoạn 2: các nội dung thi đấu từng môn trước ngày 03/03/2026 đối với các môn thi còn lại.

2. Hồ sơ tham dự

2.1. Quyết định thành lập đoàn tham dự Hội thi TDTT năm học 2025 - 2026.

2.2. Danh sách đoàn cán bộ, VĐV (*Mẫu số 1*).

2.3. Danh sách đăng ký chi tiết nội dung thi của từng VĐV cho từng môn thi (*Mẫu số 2*).

2.4. Phiếu thi đấu của từng VĐV (*Mẫu số 3*).

2.5. Giấy chứng nhận sức khỏe của từng học sinh do cơ quan y tế có thẩm quyền từ cấp phường/xã trở lên xác nhận có sức khỏe bình thường (có giá trị trong vòng 6 tháng tính đến ngày kết thúc thi đấu của từng môn thể thao).

2.6. Tất cả các học sinh tham gia thi đấu phải có bảo hiểm tai nạn; các đơn vị có thể tự mua bảo hiểm và phải trình hồ sơ liên quan cho Ban tổ chức (gọi tắt BTC) từng môn trước khi tiến hành họp bốc thăm thi đấu.

3. Đăng ký thi đấu trực tuyến

3.1 Các đơn vị đăng ký tham dự trực tuyến theo đường link: <https://forms.gle/Yd8bcc4VkevPPewa6>

3.2 Quy định đăng ký trực tuyến

- Thông tin cá nhân VĐV.
- Hình thẻ là file hình ảnh (có kích thước dưới 200KB) - Quy tắc đặt tên file (không dấu): Tên Cụm (Viết tắt)_Tên Trường kèm cấp học (viết tắt)_Họ tên VĐV
- Mã học sinh (nguồn: cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT).
- Số định danh cá nhân (nguồn: cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư).
- Đăng ký nội dung thi đấu các môn.
- Giấy khai sinh hoặc hộ chiếu (đối với học sinh dưới 14 tuổi).
- Căn cước công dân hoặc hộ chiếu (đối với học sinh từ đủ 14 tuổi trở lên).

Lưu ý: Đối với học sinh đủ 14 tuổi chưa hoặc đã làm thủ tục cấp căn cước công dân nhưng chưa đến thời hạn được nhận, có thể thay thế bằng giấy xác nhận nhân thân hoặc giấy hẹn trả căn cước công dân do cơ quan công an đủ thẩm quyền xác nhận.

4. Kiểm tra hồ sơ nhân sự VĐV

BTC sẽ kiểm tra toàn bộ hồ sơ tham dự trực tiếp tại buổi họp chuyên môn theo kế hoạch của từng môn.

Điều 4. Đối tượng tham dự và các quy định khác

1. Đối tượng tham dự

1.1. Đối tượng được tham dự

a) Vận động viên là học sinh đang học tại các trường phổ thông:

- Trường Tiểu học (TH).
- Trường Trung học cơ sở (THCS).
- Trường Trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (THPT).
- Trường phổ thông Năng khiếu Thể dục thể thao.
- Khối chuyên thuộc các cơ sở giáo dục đại học.
- Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

- Vận động viên đang hưởng chế độ đội Năng khiếu thuộc hệ thống đào tạo thể thao của Thành phố (chỉ thi đấu hệ nâng cao theo Điều lệ từng môn thể thao - nếu có).

- Vận động viên có đủ sức khỏe thi đấu môn thể thao đăng ký tham gia (Giấy khám sức khỏe còn thời hạn 06 tháng tính đến ngày kết thúc thi đấu của VĐV theo mẫu hiện hành và được cơ quan y tế đủ thẩm quyền kết luận sức khỏe bình thường hoặc sức khỏe loại I).

1.2. Đối tượng không được tham dự

- Học sinh đang hưởng chế độ đội tuyển Trẻ, đội Tuyển thuộc hệ thống đào tạo thể thao của Thành phố.

- Học sinh đã tham dự thi đấu các giải Vô địch quốc gia, quốc tế, học sinh đạt huy chương vàng, bạc và đồng tại các giải vô địch trẻ quốc gia, nhóm tuổi quốc gia, quốc tế của từng môn thể thao do Cục Thể dục thể thao Việt Nam (trước đây là Tổng cục Thể dục thể thao) và các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, quốc tế tổ chức từ năm 2023 đến thời điểm diễn ra Hội thi.

- Học sinh có tiền sử bệnh tim mạch, thần kinh.

- Học sinh đang bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

1.3. Độ tuổi quy định

a) Học sinh tiểu học từ 07 đến 11 tuổi

- Độ tuổi từ 07 - 9 tuổi (sinh từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2019).

- Độ tuổi từ 10 - 11 tuổi (sinh từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016).

b) Học sinh THCS từ 12 đến 15 tuổi

- Độ tuổi: 12 - 13 tuổi (sinh từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014).

- Độ tuổi: 14 - 15 tuổi (sinh từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2012).

c) Học sinh THPT từ 16 tuổi đến 18 tuổi (sinh từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2010).

d) Học sinh ở cấp học dưới quá tuổi theo quy định thì được phép thi đấu ở cấp học trên liền kề, nhưng không được vượt tuổi quy định của cấp học đó.

2. Các quy định khác

2.1. Số lượng đăng ký tham dự ở mỗi nội dung thi đấu

a) Nội dung cá nhân: mỗi đơn vị được cử đại diện tối đa ba (03) VĐV; Trường Năng khiếu TDTT được cử đại diện tối đa hai (02) VĐV tham dự ở mỗi nội dung.

b) Nội dung đôi, tiếp sức, đồng đội, đội (môn tập thể): mỗi đơn vị được cử đại diện tối đa hai (02) đôi, 02 đồng đội, hai (02) đội hình tiếp sức hoặc một (01) đội; Trường Năng khiếu TDTT được cử đại diện một (01) đôi, một (01) đội hình tiếp sức, 01 đồng đội hoặc 01 đội tham dự ở mỗi nội dung.

d) Các quy định khác về số lượng đăng ký (nếu có) sẽ được ghi cụ thể ở Điều lệ chi tiết của từng môn.

2.2. Đơn vị cử học sinh tham dự chịu trách nhiệm hoàn toàn về nhân sự, hồ sơ, sức khỏe và điều kiện tham gia thi đấu của vận động viên theo đúng quy định của Điều lệ.

2.3. Học sinh (VĐV) học tại trường nằm trên địa bàn nào thì thi đấu mang tên của trường trên địa bàn đó, đối với trường có nhiều cơ sở thì chỉ được thi đấu mang tên của trường ở cơ sở chính; mỗi học sinh chỉ được đăng ký thi đấu cho 01 đơn vị, ở 01 cấp học, nhóm lớp học và thi đấu tối đa 02 môn thể thao (01 môn cá nhân và 01 môn tập thể). Đối với môn cá nhân, mỗi học sinh được thi đấu tối đa 02 nội dung cá nhân và 01 nội dung tiếp sức, đôi, đồng đội hoặc theo Điều lệ của từng môn quy định.

2.4. Mỗi nội dung thi đấu vòng loại tại khu vực tổ chức phải đảm bảo:

- Đối với môn cá nhân: phải có tối thiểu 10 VĐV, 10 đôi, 05 đội tiếp sức từ 05 đơn vị tham dự trở lên mới tổ chức thi đấu (nếu không đủ số lượng tổ chức vòng loại tại khu vực sẽ tập trung thi đấu tại vòng chung kết Thành phố).

- Đối với môn tập thể: nếu cụm không đủ từ hai (02) đội trở lên để tổ chức vòng loại sẽ tập trung thi đấu tại vòng chung kết Thành phố).

- Sau khi đăng ký các đơn vị tự ý bỏ cuộc BTC sẽ trừ điểm bằng điểm của 01 huy chương vàng (11 điểm) vào tổng điểm chung của đơn vị, điểm trừ sẽ được nhân theo hệ số nếu là môn tập thể được quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không thi đấu sẽ không được trao huy chương; trường hợp nội dung thi đấu không đủ số lượng theo quy định do bị loại vì vi phạm Điều lệ, thì nội dung đó vẫn được tiến hành, số huy chương vẫn được trao cho các VĐV có mặt thi đấu. Đối với những trường hợp có lý do đặc biệt BTC sẽ xem xét, quyết định (theo Chương III của Điều lệ này).

2.5. Căn cứ tình hình, đặc điểm và Luật thi đấu từng môn thể thao, các Phụ trách môn sẽ đề xuất trang phục thi đấu, thể thức thi đấu; riêng xếp hạng toàn đoàn theo quy định của Điều lệ này.

2.6. Xếp hạng từng môn và toàn đoàn theo tổng số điểm, tổng số huy chương đạt được tại Hội thi TDTT, nếu tổng số điểm và tổng số huy chương bằng nhau lần lượt xét số lượng huy chương theo thứ tự ưu tiên vàng, bạc, đồng.

2.7. Không thu lệ phí tham dự Hội thi.

Điều 5. Tính điểm

1. Điểm từng nội dung thi: cá nhân, đôi, đội, tập thể của từng môn thi chỉ tính theo xếp hạng từ 01 đến 09, cách tính như sau:

- Xếp hạng 1 = 11 điểm; hạng 2 = 9 điểm; hạng 3 = 7 điểm; hạng 4 = 6 điểm; hạng 5 = 5 điểm; hạng 6 = 4 điểm; hạng 7 = 3 điểm; hạng 8 = 2 điểm; hạng 9 (thứ 09 đến thứ 16 đối với các nội dung thi theo thể thức loại trực tiếp) = 1 điểm.

- Đối với các nội dung loại trực tiếp: các đội có cùng thành tích ở cùng một vòng đấu sẽ tính đồng thứ hạng (chỉ lấy tối đa đến thứ tự thứ 16).

- Đối với các nội dung chia bảng: kết thúc vòng bảng, ngoài các đội được lựa chọn vào thi đấu vòng tứ kết, bán kết, chung kết được xếp thứ hạng từ 01 – 08, các đội cùng thứ hạng còn lại ở mỗi bảng được tính điểm bằng nhau (các đội được xếp đến đồng hạng 09).

2. Hệ số các môn thi:

- Hệ số 5: Bóng đá (11 người).

- Hệ số 3: Bóng đá (7 người, 5 người), Thể dục Aerobic nội dung thi 8 người, Kéo co 08 người, Bóng rổ, Bóng chuyền, Bóng ném.

- Hệ số 2: nội dung đồng đội, đôi của các môn thể thao cá nhân.

- Hệ số 1: các nội dung, các môn thể thao còn lại.

Lưu ý: số điểm đạt được ở từng nội dung thi đấu sẽ được nhân theo hệ số đã được quy định trên.

3. Điểm thưởng: đơn vị đăng cai hoặc đồng đăng cai Hội thi TDTT được cộng 05 điểm/Hội thi (tổ chức môn thể thao nào thì cộng điểm thưởng vào kết quả chung cuộc để tính toàn đoàn ở môn thi đó).

Chương II

ĐIỀU LỆ TỪNG MÔN

Điều 6. Môn Bóng bàn

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu: thi đấu ở 7 nội dung gồm đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ cho tất cả các nhóm lớp và bậc học như sau:

2.1. Tiểu học:

- Khối lớp 1 - lớp 3: đồng đội nam, đồng đội nữ, đơn nam và đơn nữ;
- Khối lớp 4 - lớp 5: đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đơn nam và đơn nữ.

2.2. Trung học cơ sở:

- Khối lớp 6 - lớp 7: đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đơn nam và đơn nữ.
- Khối lớp 8 - lớp 9: đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đơn nam và đơn nữ.

2.3. Trung học phổ thông: đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đơn nam và đơn nữ.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Hội thi đồng đội: thi đấu theo hệ thống Olympic 4 trận đơn và 1 trận đôi và mỗi đội 03 VĐV, mỗi VĐV chỉ được thi đấu 2 trận. Các trận đấu của nội dung Đồng đội sẽ thi đấu theo thể thức loại trực tiếp và các trận thi đấu trong trận Đồng đội sẽ diễn ra 5 ván thắng 3.

a) Thứ tự: Đôi (B và C gặp Y và Z); A gặp X, C gặp Z; A gặp Y, B gặp X.

b) Nếu có trên 32 đội: Thi đấu loại trực tiếp;

3.2. Hội thi đơn, đôi: thi đấu loại trực tiếp

- Nội dung đôi của các khối thi đấu trong 5 ván thắng 3 (các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận đầu).

- Tiểu học và Trung học cơ sở: các trận đều thi đấu trong 5 ván thắng 3.

- Trung học phổ thông: đơn vòng loại thi đấu trong 5 ván thắng 3 và từ vòng 08 trở đi thi đấu trong 07 ván thắng 4.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Bóng bàn hiện hành của Cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (kể cả các Điều khoản bổ sung).

5. Các quy định khác

5.1. Quy định mỗi ván đấu: 11 điểm

5.2. Bóng thi đấu: Double Fish màu trắng 40+mm.

5.3. Trang phục thi đấu:

- Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi;
- Trang phục không được trùng màu với màu của bóng thi đấu;

- Áo thi đấu của các vận động viên khi tham gia Hội thi phải có tên đơn vị được in phía sau lưng.

Điều 7. Môn Bóng chuyền

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học: Luật 4 người, lưới 2m00 (nam, nữ).

2.2. Trung học cơ sở: Luật 6 người, lưới 2m15 (nữ), 2m30 (nam).

2.3. Trung học phổ thông: Luật 6 người, lưới 2m24 (nữ), 2m43 (nam).

3. Thể thức thi đấu: BTC Hội thi sẽ quyết định thể thức thi đấu tùy theo số lượng đội đăng ký tham dự.

3.1. Thi đấu theo thể thức 3 hiệp thắng 2; mỗi hiệp 25 điểm, riêng hiệp 3 thi đấu 15 điểm.

3.2. Cách tính điểm:

- Trận thắng với tỷ số (2-0): đội thắng 3 điểm, đội thua được 0 điểm
- Trận thắng với tỷ số (2-1): đội thắng được 2 điểm, đội thua được 1 điểm
- Đội bỏ cuộc sẽ bị loại khỏi Hội thi và hủy kết quả các trận đấu trước đó

3.3. Cách xếp hạng:

a) Đội có nhiều trận thắng sẽ xếp trên

- Nếu hai hay nhiều đội có tổng số trận thắng bằng nhau, đội nào có tổng số điểm nhiều hơn thì xếp trên.

- Nếu hai hay nhiều đội có tổng số điểm thắng bằng nhau, đội nào có tỷ số “tổng hiệp thắng/tổng hiệp thua” lớn hơn thì đội đó xếp trên.

- Nếu tỷ số “tổng hiệp thắng/tổng hiệp thua” vẫn bằng nhau thì đội nào có tỷ số “tổng quả thắng/tổng quả thua” lớn hơn thì đội đó xếp trên.

- Nếu tỷ số “tổng quả thắng/tổng quả thua” vẫn bằng nhau thì đội nào thắng trong trận đấu giữa hai (02) đội sẽ xếp trên.

b) Trong trường hợp có đội xin thua và không đấu với bất kỳ lý do gì, BTC xem xét có ảnh hưởng kết quả của BTC hay không thì BTC sẽ quyết định.

c) Trong trường hợp có đội tự ý xin thua và không thi đấu khi chưa được BTC chấp thuận thì sẽ hủy kết quả thi đấu của đội đó tại Hội thi.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Bóng chuyền hiện hành của Cục Thể dục thể thao; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (kể cả các Điều khoản bổ sung).

5. Các quy định khác

- Mỗi đội Tiểu học đăng ký tối đa 02 HLV và 8 VĐV.

- Mỗi đội Trung học cơ sở và Trung học phổ thông đăng ký tối đa 02 HLV và 12 - 14 VĐV (nếu đăng ký 14 VĐV bắt buộc phải có 2 Libero).

- Trang phục:

+ Mỗi đội phải có trang phục thi đấu thống nhất trong toàn đội theo luật bóng chuyền.

+ Vận động viên nào không mặc áo theo quy định sẽ không được vào sân thi đấu.

+ Huấn luyện viên, chỉ đạo viên phải có trang phục nghiêm chỉnh không được đồng nhất với trang phục VĐV (quần dài/sọt, mang giày thể thao) nếu không đúng quy định BTC sẽ mời ra khỏi khu vực sân thi đấu

- Bóng thi đấu: Bóng Thăng Long - Dragon Master(Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông).

6. Xếp hạng (theo đơn vị trường học): áp dụng các quy định của Luật Bóng chuyền hiện hành.

Điều 8. Bóng đá

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu :

- Tiểu học nam (bóng đá mini 5 người).
- Trung học cơ sở nữ (bóng đá mini 5 người).
- Trung học cơ sở nam lớp 6&7 (bóng đá 07 người).
- Trung học cơ sở nam lớp 8&9 (bóng đá 07 người).
- Trung học phổ thông nam (bóng đá sân lớn 11 người).
- Trung học phổ thông nữ (bóng đá mini 5 người).

3. Đối tượng tham dự và số lượng đăng ký:

Mỗi trường phổ thông và trường Phổ thông Năng khiếu TDTT được cử 01 đội ở mỗi nhóm cấp học (tiểu học, THCS Nữ, THPT Nữ, THCS nam lớp 6&7; lớp 8&9, THPT Nam). Được tăng cường 03 VĐV đối với bóng đá 05 người, 04 VĐV đối với bóng đá 07 người và 05 VĐV đối với bóng đá sân 11 người của trường khác nhưng phải nằm trong cùng địa bàn phường/xã đó.

4. Đăng ký chuyên môn:

Danh sách đăng ký và phiếu thi đấu theo quy định của điều lệ chung và danh sách đăng ký chuyên môn theo mẫu của BTC Hội thi:

- THPT nam: đăng ký 20 VĐV, 1 Trưởng đoàn, 1 HLV Trưởng, 2 HLV Phó, 01 săn sóc viên (tổng cộng 25 người).

-THCS nam lớp 6&7 và THCS nam lớp 8&9: đăng ký 14 VĐV, 01 Trưởng đoàn, 01 HLV Trưởng, 02 HLV Phó, 01 săn sóc viên (tổng 19 người).

- Nhóm tiểu học Nam, THCS Nữ, THPT Nữ: đăng ký 14 VĐV, 01 Trưởng đoàn, 01 HLV Trưởng, 2 HLV Phó, 01 săn sóc viên (tổng 19 người).

** Trong ngày họp chuyên môn bốc thăm xếp lịch thi đấu của từng nội dung, nếu đội nào chưa hoàn tất hồ sơ đăng ký và nộp cho BTC đúng thời hạn quy định, xem như đội đó không tham dự Hội thi.*

5. Thể thức thi đấu:

- Thi đấu riêng cho từng nội dung.
- Tùy theo số lượng đội đăng ký tham dự, Hội thi sẽ chia vào các bảng và thi đấu vòng tròn 01 lượt ở mỗi bảng, chọn các đội có thành tích tốt của mỗi bảng vào thi đấu tứ kết (nếu có), bán kết, chung kết.
- Ở các trận thi đấu tứ kết, bán kết, chung kết: nếu sau 2 hiệp thi đấu chính thức mà 02 đội hòa nhau thì sẽ thi đá luân lưu (11m, 7m và 6m) để quyết định thắng bại (không thi đấu hiệp phụ).

6. Cách tính điểm, xếp hạng:

Cách tính điểm xếp hạng: thi đấu vòng tròn 1 lượt.

Thắng= 3 điểm, Hoà = 1 điểm, Thua = 0 điểm

Tính tổng số điểm của các Đội đạt được để xếp thứ hạng trong bảng.

6.2.1 Nếu có từ 02 Đội trở lên bằng điểm nhau, vị trí của các Đội này được xác định theo thứ tự sau: trước hết sẽ tính kết quả của các trận đấu giữa các Đội đồng điểm với nhau theo thứ tự:

- Tổng số điểm: giữa các Đội đồng điểm với nhau.
- Hiệu số của tổng số bàn thắng trừ tổng số bàn thua: giữa các Đội đồng điểm với nhau.

- Tổng số bàn thắng: giữa các Đội đồng điểm với nhau.

6.2.2 Trường hợp vẫn còn 02 hay nhiều Đội có thứ hạng bằng nhau, thì sẽ tiếp tục tính kết quả của các trận đấu giữa các Đội đó với nhau (đối đầu trực tiếp) theo thứ tự như trên. Cách tính này được áp dụng cho đến khi đã xác định được thứ hạng của từng Đội hoặc còn lại các Đội có tất cả các chỉ số đối đầu trực tiếp bằng nhau.

6.2.3 Trường hợp các chỉ số trên vẫn bằng nhau, BTC sẽ tiếp tục xét các chỉ số của tất cả các trận đấu trong Bảng theo thứ tự:

- Hiệu số của tổng số bàn thắng trừ tổng số bàn thua.
- Tổng số bàn thắng.

6.2.4 Nếu các chỉ số vẫn bằng nhau, BTC tiếp tục xét điểm tính trên tổng số thẻ vàng và thẻ đỏ của Đội bóng nhận khi kết thúc Vòng loại bảng. Cách tính cụ thể như sau:

- 01 thẻ vàng tính một (1) điểm.
- 01 thẻ đỏ (do nhận thẻ vàng thứ hai trong cùng một trận đấu) tính hai (2) điểm.

- 01 thẻ đỏ trực tiếp tính ba (3) điểm.

- 01 thẻ vàng và 01 thẻ đỏ trực tiếp trong cùng một trận đấu tính bốn (4) điểm.

Đội bóng nhận ít điểm hơn sẽ được xếp trên.

6.2.5 Nếu các chỉ số vẫn bằng nhau, BTC sẽ tổ chức bốc thăm để xác định thứ hạng của các Đội trong Bảng (trong trường hợp chỉ có hai Đội có các chỉ số trên bằng nhau và còn thi đấu trên sân thì sẽ tiếp tục thi đấu luân lưu để xác định Đội xếp trên).

7. Luật thi đấu:

7.1. Khối THPT Nam :

- Áp dụng luật bóng đá 11 người và các văn bản bổ sung, sửa đổi do Liên đoàn Bóng đá Việt Nam ban hành.

- Mỗi trận đấu đội bóng được đăng ký tối đa 20 VĐV bao gồm 02 thủ môn (11 chính thức và 9 dự bị), thay tối đa 5 vận động viên dự bị trong 3 lượt thay (không tính lượt thay tại thời điểm giữa hiệp).

- Không được khiếu nại đối với quyết định của trọng tài trong trận đấu: có việt vị hay không việt vị, bàn thắng hay không bàn thắng, phạt đền hay không phạt đền.

7.2. Trung học cơ sở nam lớp 6&7 và Trung học cơ sở nam lớp 8&9. Áp dụng luật bóng đá 7 người do Liên đoàn Bóng đá Việt Nam ban hành.

- Mỗi trận đấu đội bóng được đăng ký tối đa 14 VĐV bao gồm 02 thủ môn (7 chính thức và 7 dự bị), thay tối đa 7 vận động viên trong 4 lượt (không tính lượt thay tại thời điểm giữa hiệp).

- Không được khiếu nại đối với quyết định của trọng tài trong trận đấu: có bàn thắng hay không bàn thắng, phạt đền hay không phạt đền.

7.3. Khối Tiểu học Nam, THCS Nữ, THPT Nữ:

- Mỗi trận đấu đội bóng được đăng ký tối đa 14 VĐV, bao gồm 02 thủ môn (5 chính thức và 9 dự bị).

- Áp dụng Luật thi đấu Futsal và các văn bản bổ sung, sửa đổi do Liên đoàn bóng đá Việt Nam ban hành.

- Trong trường hợp nhiều cầu thủ bị đuổi hoặc bị chấn thương không thi đấu được, đội bóng nào không còn đủ 03 cầu thủ thì trận đấu sẽ dừng ngay và đội đó bị xử thua 0-3 (giữ nguyên tỷ số nếu thua nhiều hơn).

- Không được khiếu nại đối với quyết định của trọng tài trong trận đấu: có bàn thắng hay không bàn thắng, phạt đền hay không phạt đền.

* Thời gian mỗi trận đấu:

- Tiểu học, THCS nữ, THPT nữ: 20' x 2 hiệp = 40' nghỉ giữa 2 hiệp 10'.

- THCS nam lớp 6&7: 25' x 2 hiệp = 50' nghỉ giữa 2 hiệp 10'.

- THCS nam lớp 8&9: 30' x 2 hiệp = 60' nghỉ giữa 2 hiệp 10'.

- THPT nam: 35' x 2 hiệp = 70' nghỉ giữa 2 hiệp 10'.

8. Bóng thi đấu: sử dụng bóng Động lực.

- Thi đấu sân 5 người sử dụng bóng số 4 (bóng nảy).

- THCS Nam lớp 6&7 sử dụng bóng số 4 (bóng nảy).

- THCS nam lớp 8&9 sử dụng bóng số 5.

- THPT nam sử dụng bóng số 5.

9. Trang phục

- Khối Tiểu học, THCS nữ, THPT nữ, Khối THCS Nam lớp 6&7 và THCS nam lớp 8&9 thi đấu sân 5 người, 7 người (cỏ nhân tạo) mang giày vải bata đế bằng, giày thi đấu sân cỏ nhân tạo (loại đinh nhỏ, dăm dài, lóng), không được mang các loại giày khác và phải có bọc ống chân (không có không được thi đấu).

- Khối THPT nam: thi đấu bằng giày da (giày đá bóng sân cỏ tự nhiên hoặc sân cỏ nhân tạo), không được mang các loại giày khác (bata đế bằng, giày thi đấu Futsal...) và phải có bọc ống chân (không có không được thi đấu).

- Mỗi đội bóng phải có đồng phục (áo, quần, vớ giống nhau) số áo rõ ràng khác nhau cho từng VĐV mặc cố định trong suốt quá trình Hội thi, khi thi đấu phải mặc quần ngắn (trừ thủ môn).

- Trong mỗi trận đấu, các đội mặc màu áo chính, nếu trùng màu nhau, đội có mã số đứng trước được quyền ưu tiên chọn màu áo.

10. Giám sát và Trọng tài:

Liên đoàn Bóng đá Thành phố phân công làm nhiệm vụ.

11. Các quy định khác

- Đội đến trễ 15 phút so với giờ thi đấu (quy định trong lịch thi đấu) sẽ bị xử thua 0-3.

- VĐV đến trễ giờ phải đến trình diện với BTC để làm thủ tục kiểm tra hồ sơ nhân sự ngay khi vừa đến sân, sau đó mới được vào thi đấu.

- VĐV thể hình bị dị tật không được đăng ký thi đấu.

- VĐV không được mang kính thi đấu (không chấp nhận viết giấy cam kết để được thi đấu), muốn được thi đấu phải mang kính chuyên dụng bằng nhựa dẻo.

- Trường hợp đội thắng vào bán kết bị loại vì vi phạm điều lệ Hội thi thì đội thua trận bán kết đó sẽ được quyền vào thi đấu trận chung kết với đội thắng trận bán kết còn lại.

12. Kỷ luật

Áp dụng Luật thi đấu của FIFA, văn bản: “Quy chế bóng đá ngoài chuyên nghiệp”, văn bản: “Quy định kỷ luật” của Liên đoàn bóng đá Việt Nam và các văn bản bổ sung, sửa đổi do Liên đoàn bóng đá Việt Nam ban hành.

Đội bóng có các hành vi vi phạm làm cho trận đấu không tiếp tục được, đội bóng sẽ bị xử thua 0 - 3 trận đấu đó (nếu thua nhiều hơn thì giữ nguyên tỷ số), tùy mức độ vi phạm mà có thể bị loại khỏi Hội thi. Giám sát triệu tập cuộc họp sau trận đấu, lập biên bản và báo cáo với BTC Hội thi.

Trong quá trình thi đấu đội bóng tự ý rút lui khỏi Hội thi hoặc tự ý bỏ cuộc, đội bóng sẽ bị loại ra khỏi Hội thi. Toàn bộ kết quả thi đấu của đội bóng khác đối với đội bóng này đều bị hủy bỏ.

Đối với khối Tiểu học Nam, THCS Nữ, THPT Nữ: Thẻ vàng, thẻ đỏ chỉ áp dụng trong trận đấu và không có giá trị lưu thẻ. Quan chức đội bóng và cầu thủ bị thẻ đỏ chỉ nghỉ thi đấu trong trận đấu đó và được tiếp tục thi đấu ở trận kế tiếp theo. Trong trường hợp thẻ đỏ trực tiếp của Quan chức đội bóng và cầu thủ. BTC sẽ xem xét và có thông báo kỷ luật đình chỉ thi đấu (nếu thấy cần thiết).

Đối với khối THCS Nam khối 6-7 khối 8-9 và THPT Nam: Quan chức đội bóng và Cầu thủ bị phạt 02 thẻ vàng trong quá trình thi đấu cũng áp dụng như vậy với thẻ vàng thứ 4, thứ 6 ...và cầu thủ bị phạt thẻ đỏ 2 thẻ vàng trong trận đấu sẽ bị

đình chỉ thi đấu 01 trận kế tiếp. Thẻ đỏ trực tiếp trong quá trình thi đấu Hội thi sẽ bị đình chỉ thi đấu ít nhất 02 trận kế tiếp, trường hợp nghiêm trọng BTC sẽ có quyết định kỷ luật cao hơn.

Điều 9. Môn Bóng ném

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học

2.2. Trung học cơ sở: lớp 6 - 7 và 8 - 9

2.3. Trung học phổ thông.

3. Thẻ thức thi đấu: tùy theo số lượng đăng ký, BTC sẽ bốc thăm sắp xếp lượt thi đấu.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Bóng ném Việt Nam năm 2011 của Cục Thể dục thể thao ban hành.

5. Các quy định khác

- Đội có VĐV không đăng ký trong phiếu thi đấu nhưng lại vào sân thi đấu, Đội đó sẽ bị BTC truất quyền thi đấu suốt Hội thi.

- Cảnh báo hoặc tước quyền thi đấu đối với VĐV, CĐV, HLV không chấp hành và chuẩn bị tác phong đúng theo quy định (chậm trễ, trì hoãn, không đồng phục, áo không số trước ngực, không mang giày...).

- Đội tự ý dừng trận đấu quá 5 phút (xem như tự ý bỏ cuộc). Đội bỏ cuộc sẽ bị truất quyền thi đấu suốt Hội thi và xóa kết quả các trận đấu trước đó (nếu có).

- Truất quyền thi đấu 1 trận kế tiếp các VĐV nào không nghiêm túc làm thủ tục kết thúc trận đấu.

- Sau tiếng còi kết thúc trận đấu, VĐV vi phạm các lỗi phản thể thao (như cời áo, ném bóng mạnh xuống sân với thái độ hằn học, la lối...) sẽ bị trọng tài phạt thẻ đỏ có báo cáo và bị truất quyền thi đấu 1 trận kế tiếp.

- Mọi hành vi, lời nói xúc phạm đến Trọng tài, thành viên BTC, HLV và VĐV đội bạn đều bị phạt thẻ đỏ có báo cáo.

- Bóng thi đấu: do BTC Hội thi cung cấp.

6. Xếp hạng: áp dụng các quy định của Luật Bóng ném hiện hành.

Điều 10. Môn Bóng rổ

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học;

2.2. Trung học cơ sở lớp 6 - 7 và 8 - 9

2.3. Trung học phổ thông.

3. Thẻ thức thi đấu

3.1. Đối với Nam:

a) Chia thành 2 bảng nếu có 8 đội trở xuống hoặc nhiều bảng nếu có 9 đội trở lên và tiến hành thi đấu theo thể thức vòng tròn tính điểm.

b) Vòng bán kết, chung kết (vòng 2)

- 2 đội xếp nhất, nhì mỗi bảng sẽ vào thi đấu chéo; 2 đội thắng gặp nhau tranh nhất nhì; 2 đội thua đồng hạng ba.

- Nếu có từ 3 bảng trở lên, mỗi bảng sẽ chọn 1 đội nhất hoặc 2 đội nhất nhì bảng vào bốc thăm thi đấu vòng trong theo thể thức loại trực tiếp.

3.2. Đối với Nữ:

- Nếu có 5 đội trở xuống thì sẽ tiến hành thi đấu vòng tròn 1 lượt để xếp hạng chung cuộc.

- Nếu có 6 đội trở lên thì sẽ chia làm 2 bảng thi đấu vòng tròn; 2 đội xếp nhất, nhì mỗi bảng sẽ vào thi đấu chéo; 2 đội thắng gặp nhau tranh nhất, nhì; 2 đội thua đồng hạng ba.

3.3. Cách tính điểm:

- Thắng được 2 điểm, thua được 1 điểm.

- Nếu có đội bỏ cuộc thì kết quả các trận đấu giữa đội bỏ cuộc với các đội khác đều bị hủy bỏ và đội bỏ cuộc không được thi đấu các trận còn lại.

- Nếu có 2 đội bằng điểm thì đội nào thắng trong trận gặp nhau giữa 2 đội đó sẽ xếp hạng cao hơn.

- Nếu có 3 đội trở lên bằng điểm thì đội nào có tổng số bàn thắng trừ cho tổng số bàn thua lớn hơn sẽ xếp hạng cao hơn (chỉ tính các trận giữa các đội đó với nhau). Trường hợp vẫn bằng nhau thì đội nào có tổng số bàn thắng nhiều hơn sẽ xếp hạng cao hơn nếu vẫn bằng nhau sẽ tiến hành bốc thăm để xác định thứ hạng.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Bóng rổ quốc tế hiện hành

5. Các quy định khác

5.1. Mỗi đội được đăng ký 01 Trưởng đoàn, 01 chỉ đạo viên, 01 sân sóc viên, 02 huấn luyện viên và 14 VĐV.

5.2. Bóng thi đấu: do BTC quy định theo Luật.

5.3. Quy định chuyên môn:

- HLV của đội bóng phải tốt nghiệp trường Đại học - Cao Đẳng Sư phạm TDTT, hoặc có giấy chứng nhận đã qua các lớp huấn luyện và bồi dưỡng do Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố (trước đây là Sở Thể dục thể thao; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hoặc do Liên đoàn Bóng rổ cấp.

- Tất cả các hồ sơ của VĐV phải được xếp gọn trong hồ sơ đăng ký theo mẫu của Điều lệ chung, ngoài ra mỗi VĐV phải có 1 phiếu thi đấu theo mẫu có dán ảnh mới nhất. Hồ sơ đăng ký và thẻ phải đánh máy rõ ràng, không được viết tay.

6. Xếp hạng (theo đơn vị trường học): theo quy định của Luật Bóng rổ hiện hành

Điều 11. Môn Bơi lội

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

Cấp	Tự do	Ếch	Ngựa	Bướm	TS tự do	TS phối hợp nam - nữ tự do
Tiểu học Lớp 1-2	50-100	50-100	50	50	4x50	4x50
Tiểu học Lớp 3-5	50-100	50-100	50	50	4x50	4x50
THCS lớp 6-7	50-100	50-100	50-100	50	4x50	4x50
THCS lớp 8-9	50-100	50-100	50-100	50	4x50	4x50
THPT	50-100-200	50-100-200	50-100	50	4x50	4x50

3. Thể thức thi đấu: thi đấu cá nhân và đội tiếp sức.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Bơi lội hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao.

5. Quy định khác: mỗi vận động viên chỉ được quyền tham gia 02 cự ly cá nhân, không kể ở nội dung tiếp sức. Nội dung Tiếp sức, mỗi đội gồm 04 VĐV chính thức và 01 VĐV dự bị.

6. Cách xếp hạng: theo quy định của Luật Bơi lội hiện hành

Điều 12. Môn Cầu lông

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học

- Nhóm lớp 1-3: đơn nam, đơn nữ.
- Nhóm lớp 4-5: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ

2.2. Trung học cơ sở

- Nhóm lớp 6-7: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam & nữ.
- Nhóm lớp 8-9: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam & nữ.

2.3. Trung học phổ thông: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam & nữ.

3. Số lượng đăng ký

- Nội dung đơn: mỗi đơn vị cử tối đa 03 VĐV tham dự ở mỗi nội dung thi.
- Nội dung đôi: mỗi đơn vị cử tối đa 02 đôi tham dự ở mỗi nội dung.
- Mỗi VĐV chỉ được tham dự thi đấu tối đa 02 nội dung.

4. Thể thức thi đấu

- Thi đấu theo thể thức loại trực tiếp một lần thua.
- Các trận đều thi đấu 3 ván, thắng 2.

5. Luật thi đấu: áp dụng Luật Cầu lông hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Điều luật bổ sung, thay thế của Liên đoàn Cầu lông thể giới.

6. Các quy định khác

6.1. Đối với vận động viên:

- Các VĐV thi đấu phải mặc áo có in tên đơn vị mình phía sau lưng với chiều cao tối thiểu 5cm và tối đa là 10cm. Tên/logo tài trợ phải nằm phía dưới tên đơn vị.
- Nội dung thi đấu đôi, các VĐV của cùng một đơn vị phải mặc áo cùng màu.
- Ngoài trang phục theo quy định, các VĐV có thể mặc đồng phục thể dục của Trường (có logo trường trước ngực hoặc tên trường sau lưng áo).
- Các trường hợp dán tên và viết tên đơn vị phía sau lưng áo xem như không hợp lệ và không được thi đấu.
- Trường hợp VĐV bỏ cuộc, xin thua, chấn thương không hoàn thành ở nội dung đang thi đấu, vận động viên đó sẽ không được tiếp tục thi đấu nội dung còn lại đã đăng ký.

6.2. Đối với huấn luyện viên:

- Chỉ có Lãnh đội, huấn luyện viên, cộng tác viên có tên đăng ký trong danh sách đăng ký mới được quyền chỉ đạo trên sân.
- Người chỉ đạo phải ngồi đúng vị trí do BTC quy định (không được quyền tự ý thay đổi).
- Không được chỉ đạo khi cầu đang trong cuộc hoặc làm VĐV đối phương mất tập trung, làm gián đoạn, trì hoãn trận đấu. Không được hô cầu trong sân (IN) hoặc ngoài sân (OUT) khi quả cầu còn đang trong cuộc.
- Phải mặc quần dài, mang giày thể thao khi chỉ đạo trận đấu, BTC là người quyết định trang phục của HLV chỉ đạo có phù hợp hay không.

7. Xếp hạng: theo quy định của Luật Cầu lông hiện hành.

Điều 13. Môn Cờ tướng

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu: Cờ tiêu chuẩn, Cờ nhanh

2.1. Tiểu học lớp 1-3 và 4-5: 12 bộ huy chương (08 bộ huy chương cá nhân, 04 bộ huy chương đồng đội).

2.2. Trung học cơ sở lớp 6-7 và 8 - 9: 12 bộ huy chương (08 bộ huy chương cá nhân, 04 bộ huy chương đồng đội).

2.3. Trung học phổ thông: 06 bộ huy chương (04 bộ huy chương cá nhân, 02 bộ huy chương đồng đội).

3. Thể thức thi đấu

- Cá nhân: thi đấu theo hệ Thụy sĩ 7 ván; mỗi bên 90 phút đối với cờ tiêu chuẩn, 15 phút đối với cờ nhanh.
- Đồng đội: thi đấu loại trực tiếp, mỗi bên có 15 phút để hoàn thành ván cờ.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Cờ tướng hiện hành.

5. Quy định khác: mỗi trường đăng ký 5 VĐV ở mỗi nội dung đồng đội.

6. Xếp hạng: theo quy định của Luật Cờ tướng hiện hành.

6.1. Cá nhân: theo điểm, tổng điểm đối kháng giữa các vận động viên cùng nhóm điểm, hệ số lũy tiến, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen, ván giữa các đấu thủ (nếu gặp nhau) và màu quân của ván này; Nếu vẫn bằng nhau thì bốc thăm xác định thứ hạng.

6.2. Đồng đội: đối kháng đồng đội theo thể thức loại trực tiếp một lần thua.

Điều 14. Môn Cờ vua

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu: Cờ tiêu chuẩn, Cờ nhanh

2.1. Tiểu học lớp 1-3 và 4-5: 12 bộ huy chương (08 bộ huy chương cá nhân, 04 bộ huy chương đồng đội)

2.2. Trung học cơ sở lớp 6-7 và 8-9: 12 bộ huy chương (08 bộ huy chương cá nhân, 04 bộ huy chương đồng đội).

2.3. Trung học phổ thông: 06 bộ huy chương (04 bộ huy chương cá nhân, 02 bộ huy chương đồng đội).

3. Thể thức thi đấu

- Thi cá nhân, đồng đội.

- Cá nhân: thi đấu theo hệ Thụy sĩ 7 ván; mỗi bên 90 phút đối với cờ tiêu chuẩn, 15 phút đối với cờ nhanh.

- Đồng đội: thi đấu loại trực tiếp, mỗi bên có 15 phút để hoàn thành ván cờ.

4. Luật thi đấu: theo Luật Cờ vua của Liên đoàn Cờ Việt Nam

5. Quy định khác: mỗi trường đăng ký 5 VĐV ở mỗi nội dung đồng đội

6. Xếp hạng: theo quy định của Luật Cờ vua hiện hành.

6.1. Cá nhân: theo điểm, tổng điểm đối kháng giữa các vận động viên cùng nhóm điểm, hệ số lũy tiến, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen, ván giữa các đấu thủ (nếu gặp nhau) và màu quân của ván này; Nếu vẫn bằng nhau thì bốc thăm xác định thứ hạng.

6.2. Đồng đội: đối kháng đồng đội theo thể thức loại trực tiếp một lần thua.

Điều 15. Môn Đá cầu

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

Đơn nam, đơn nữ; đôi nam, đôi nữ; đôi nam nữ; đội tuyển 3 nam, đội tuyển 3 nữ cho các giới tính và các nhóm lớp - bậc học như sau:

- Khối Tiểu học lớp 1-3,

- Khối Tiểu học lớp 4-5;

- Trung học cơ sở lớp 6-7,

- Trung học cơ sở lớp 8-9;

- Trung học phổ thông.

3. Số lượng đăng ký

- Đội tuyển 03 người (đăng ký và thi đấu 06 VĐV);
- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký tham dự tối đa 02 nội dung.

4. Thể thức thi đấu

- Nếu có từ 5 đội trở xuống thì tiến hành thi đấu theo thể thức vòng tròn một lượt tính điểm để xếp hạng.

- Nếu có đủ 6 đội sẽ chia thành 2 bảng, các bảng thi đấu vòng tròn một lượt chọn đội nhất, nhì bảng vào thi đấu chéo bán kết và chung kết.

- Nếu có từ 7 đội trở lên sẽ tiến hành thể thức thi đấu loại trực tiếp 1 lần thua. Quy định trong thể thức thi đấu loại trực tiếp 1 lần thua. Các VĐV cùng một đơn vị không gặp nhau trong trận đầu tiên ở mỗi bảng.

5. Luật thi đấu: Luật Đá cầu hiện hành của Cục TDTT.

6. Các quy định khác

6.1. Cầu thi đấu và mức lưới:

- Cầu đá ĐLS (Cầu thi đấu Hội thi quốc gia).
- Mức lưới 1m40 dành cho Tiểu học và Trung học cơ sở.
- Mức lưới 1m50 dành cho nữ Trung học phổ thông.
- Mức lưới 1m60 dành cho nam Trung học phổ thông.

6.2. Đối với vận động viên:

- Các VĐV thi đấu phải mặc áo có in số trước ngực và tên đơn vị mình phía sau lưng với chiều cao tối thiểu 5cm và tối đa là 10cm. Tên/logo tài trợ phải nằm phía dưới tên đơn vị. Các trường hợp dán tên và viết tên đơn vị phía sau lưng áo xem như không hợp lệ và không được thi đấu.

- Ở nội dung thi đấu đội tuyển 3 và đôi các VĐV của cùng đơn vị phải mặc trang phục cùng màu.

6.3. Đối với huấn luyện viên:

- Chỉ có Lãnh đội, huấn luyện viên, cộng tác viên có tên đăng ký trong danh sách đăng ký mới được quyền chỉ đạo trên sân.

- Người chỉ đạo phải ngồi đúng vị trí do BTC quy định (không được quyền tự ý thay đổi).

- Không được chỉ đạo khi cầu đang trong cuộc hoặc làm VĐV đối phương mất tập trung, làm gián đoạn, trì hoãn trận đấu. Không được hô cầu trong sân (IN) hoặc ngoài sân (OUT) khi quả cầu còn đang trong cuộc.

- Phải mặc quần dài, mang giày thể thao khi chỉ đạo trận đấu, BTC là người quyết định trang phục của người chỉ đạo có phù hợp hay không.

6.4. Tính điểm: xếp hạng trong thi đấu vòng tròn 1 lượt

a) Đội có trận thắng = 1 điểm, đội thua = 0 điểm.

b) Đội có tổng điểm toàn Hội thi cao hơn được xếp hạng trên.

c) Hai đội có tổng số điểm bằng nhau thì đội nào thắng trong trận đối đầu trực tiếp thì xếp hạng trên.

d) Ba đội trở lên có số điểm bằng nhau (trường hợp này chỉ tính đến kết quả thi đấu giữa các đội bằng điểm với nhau), theo trình tự:

- Đội nào có hiệu số của tổng hiệp thắng thua lớn hơn thì được xếp hạng trên.
- Nếu vẫn bằng nhau thì tính đến thương số tổng điểm thắng chia cho tổng điểm thua (tính đến phần nghìn) đội nào có điểm lớn hơn thì được xếp hạng trên.
- Nếu vẫn bằng nhau thì áp dụng hình thức bốc thăm xếp hạng.

7. Xếp hạng: theo quy định của Luật Đá cầu hiện hành

Điều 16. Môn Đẩy gậy

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Trung học cơ sở:

- Nam thi đấu 6 hạng cân: đến 41kg, 44kg, 47kg, 50kg, 53kg, 56 kg;
- Nữ thi đấu 6 hạng cân: đến 35kg, 38kg, 41kg, 44kg, 47kg, 50kg.

2.2. Trung học phổ thông:

- Nam 8 hạng cân: đến 44kg, 47kg, 50kg, 53kg, 56kg, 59kg, 62kg và 65kg.
- Nữ 8 hạng cân: đến 41kg, 44kg, 47kg, 50kg, 53kg, 56kg, 59kg và 62kg.

3. Thẻ thức thi đấu: BTC sẽ quy định thẻ thức thi đấu tùy theo số lượng đăng ký tham dự.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật thi đấu môn Đẩy gậy hiện hành.

5. Các quy định khác

- Chỉ có Lãnh đội, huấn luyện viên, cộng tác viên có tên đăng ký trong danh sách đăng ký mới được quyền chỉ đạo trên sân.
- Mỗi đơn vị cử tối đa 02 VĐV tham dự ở mỗi nội dung.
- Người chỉ đạo phải ngồi đúng vị trí do BTC quy định (không được quyền tự ý thay đổi).
- Các đơn vị phải đăng ký đúng hạng cân của VĐV trước ngày bốc thăm xếp lịch.

- Các VĐV bỏ cuộc ở vòng bán kết sẽ không được trao huy chương và tiền thưởng.

- Không được chỉ đạo làm VĐV đối phương mất tập trung, làm gián đoạn, trì hoãn trận đấu.

- Phải mặc quần dài, mang giày thể thao khi chỉ đạo trận đấu, BTC là người quyết định trang phục của người chỉ đạo có phù hợp hay không.

6. Xếp hạng: theo quy định của Luật Đẩy gậy hiện hành.

Điều 17. Môn Điền kinh

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học (14):

a) Nữ (06): Chạy 60m, 600m, 4x50m, nhảy cao, ném bóng, bật xa.

b) Nam (06): Chạy 60m, 600m, 4x50m, nhảy cao, ném bóng, bật xa.

c) Toàn năng:

- Nữ (01): Chạy 60m, 600m, bật xa, ném bóng.

- Nam (01): Chạy 60m, 600m, bật xa, ném bóng.

2.2. Trung học cơ sở (44):

a) Trung học cơ sở lớp 6 – 7: (24)

- Nữ (11): chạy 60m, 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, nhảy xa, nhảy cao, ném bóng (150gr), 4x100m, 4x400m.

- Nam (11): chạy 60m, 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, nhảy xa, nhảy cao, ném bóng (150gr), 4x100m, 4x400m.

- Toàn năng:

+ Nữ (01): Chạy 60m, 800m, nhảy xa, nhảy cao, ném bóng.

+ Nam (01): Chạy 60m, 800m, nhảy xa, nhảy cao, ném bóng.

b) Trung học cơ sở lớp 8 - 9: (20)

- Nữ (09): 100m, 200m, 400m, 1500m, nhảy xa, nhảy cao, đẩy tạ 3kg, 4x100m, 4x400m.

- Nam (09): 100m, 200m, 400m, 1500m, Nhảy xa, Nhảy cao, Đẩy tạ 4kg, 4x100m, 4x400m.

- Chạy tiếp sức hỗn hợp (02 nam, 02 nữ) (02): 4x100m, 4x400m.

2.3. Trung học phổ thông (26):

- Nữ (12): chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 3000m; nhảy xa; nhảy 3 bước; nhảy cao; đẩy tạ 3kg, 4x100m, 4x400m.

- Nam (12): chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 5000m; nhảy xa; nhảy 3 bước; nhảy cao; đẩy tạ 5kg, 4x100m, 4x400m.

- Chạy tiếp sức hỗn hợp (02 nam, 02 nữ) (02): 4x100m; 4x400m.

3. Thể thức thi đấu: cá nhân, tiếp sức.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Điền kinh hiện hành của Cục Thể dục thể thao.

5. Các quy định khác

5.1. Đăng ký thi đấu: ngoài những hồ sơ đăng ký theo quy định chung, mỗi đơn vị nộp 1 bản danh sách đăng ký nội dung thi đấu cho nam và nữ riêng (theo mẫu của môn Điền kinh).

5.2. Tính chất thi đấu:

- Khi thi đấu, vận động viên phải mặc trang phục và mang giày thể thao, những VĐV không theo đúng quy định sẽ không được tham gia thi đấu.

- Các đội tiếp sức phải mặc đồng phục (quần và áo), 01 đội tiếp sức đăng ký 05 vận động viên.

- Toàn năng chỉ được tính khi VĐV tham dự đủ các môn đã quy định.

5.3. Số đo: do các đơn vị tự trang bị theo hệ thống số đo của Liên đoàn Điền kinh quy định. VĐV phải xuất phát bằng bàn đạp ở các nội dung cự ly ngắn, xuất phát theo ô (60m, 100m, 200m, 400m, tiếp sức 4x100m, 4x200m, 4x400m).

6. Xếp hạng

6.1. Cá nhân, tiếp sức: tính hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba. Nếu thành tích cá nhân, tiếp sức từng nội dung của các VĐV bằng nhau thì VĐV có độ tuổi nhỏ hơn được xếp trên (căn cứ theo ngày, tháng, năm sinh).

6.2. Đồng đội: tính hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba nam, nữ ở từng cấp học (TiH, THCS, THPT) cho các đơn vị. Đội nào có HCV nhiều hơn sẽ xếp trên, sau đó tính đến HCB, HCD. Nếu số huy chương bằng nhau, đội nào có thứ hạng cao ở các nội dung sau sẽ xếp trên:

- TiH: Nội dung 60m nam; 60m nữ.
- THCS: Nội dung 60m nam; 60m nữ của lớp 6 – 7 và 100m nam; 100m nữ của lớp 8 -9.
- THPT: Nội dung 100m nam; 100m nữ.

Ghi chú: khi thi đấu VĐV phải mặc trang phục thể thao và mang giày thể thao, những VĐV không theo đúng quy định sẽ không được thi đấu. Do môn Điền kinh là môn cá nhân, có sự phân định thứ hạng, thành tích rõ ràng nên không áp dụng hình thức “đồng hạng ba”.

Điều 18. Môn Thể dục Aerobic, Aerobic Dance và CheerDance

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Aerobic: 03 nội dung (bài quy định, tự chọn 03 người, tự chọn 08 người).

- Tiểu học: Lớp 1 - 3 và Lớp 4 - 5

- Trung học cơ sở: Lớp 6 - 9

2.2. Aerobic Dance: 1 nội dung, bài tự chọn 08 - 10 người (2 dự bị)

- Trung học cơ sở: Lớp 6 - 9

2.3. Cheer Dance: 1 nội dung, bài tự chọn 16 - 20 người (3 dự bị)

- Trung học phổ thông

- Đánh giá bài thi theo thang điểm quy định sau:

Tiêu chí chấm điểm	Thang điểm
1. Cỗ động (Cheer)	Từ 01 đến 10 điểm
2. Các bước bật (Tumbling- Jump)	Từ 01 đến 10 điểm
3. Tung hứng (Basket Tosses)	Từ 01 đến 05 điểm
4. Các kỹ thuật nâng người (Stunts)	Từ 01 đến 15 điểm
5. Nhào lộn (Tumbling)	Từ 01 đến 05 điểm
6. Tháp (Pyramids)	Từ 01 đến 10 điểm
7. Vũ đạo (Dance)	Từ 01 đến 30 điểm

8. Tổng thể bài thi	Từ 01 đến 15 điểm
---------------------	-------------------

- Trường hợp hai đội bằng điểm sẽ căn cứ vào các điểm theo thứ tự như sau để xếp hạng: Vũ đạo - Tổng thể bài thi - Thập.

d) Thể thức thi đấu: thi đấu vòng loại chọn 08 đội có số điểm cao nhất vào thi chung kết

e) Luật thi đấu: áp dụng Luật Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015 và quy định chấm điểm Thể dục Aerobic do Liên đoàn Thể dục Thành phố Hồ Chí Minh ban hành năm 2018.

3. Các quy định khác

- Vận động viên chỉ được thi đấu 1 trong 5 nội dung.
- Đội vừa thi đấu xong và đội chuẩn bị thi đấu cùng với HLV (mặc trang phục thể thao) phải ngồi đúng vị trí do BTC quy định; Nếu ngồi sai quy định sẽ bị trừ 5 điểm.

- Đơn vị đăng ký tham dự 02 bài thi ở một nội dung nhưng chỉ được phép vào chung kết 01 bài thi có số điểm cao hơn.

- Thành viên bảo hiểm (CheerDance): từ 03 đến 05 người, mặc trang phục thể thao khác với trang phục thi đấu của đội.

4. Xếp hạng

- **Aerobic:** BTC sẽ xếp hạng và trao huy chương nhất, nhì, ba cho các nội dung bài Quy định 8 người, bài Tự chọn 8 người và bài Tự chọn 3 người

- **Aerobic Dance:** BTC sẽ xếp hạng, trao huy chương và cờ thưởng hạng nhất, hạng nhì và đồng hạng ba

- **CheerDance:** BTC sẽ xếp hạng, trao huy chương và cờ thưởng hạng nhất, hạng nhì và đồng hạng ba.

- **Toàn đoàn:** BTC sẽ xếp hạng và trao cờ toàn các đơn vị trường học.

Điều 19. Môn Karate

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học

a) Nội dung Kata: 10 nội dung

- Lớp 1-3 (Các bài Kata theo quy định của WKF, không bắt buộc Shietei Kata): Kata cá nhân nam; Kata cá nhân nữ; Kata đồng đội nam (3VĐV + 1 dự bị); Kata đồng đội nữ (3VĐV + 1 dự bị); Kata đồng đội hỗn hợp nam - nữ (3VĐV + 1 dự bị).

- Lớp 4-5 (Các bài Kata theo quy định của WKF, không bắt buộc Shietei Kata): Kata cá nhân nam; Kata cá nhân nữ; Kata đồng đội nam (3VĐV + 1 dự bị); Kata đồng đội nữ (3VĐV + 1 dự bị); Kata đồng đội hỗn hợp nam - nữ (3VĐV + 1 dự bị).

b) Nội dung đối luyện (2 nội dung)

- Lớp 1-3: KIHON KUMITE (Đối luyện đồng đội hỗn hợp nam nữ 6 người - Thể thức loại trực tiếp 1 lần thua).

+ Vòng chung kết: 5 đòn tự chọn/21 đòn Kihon kumite

- + Vòng bán kết: 3 đòn Mawashi geri và 3 đòn Yoko geri
- + Vòng tứ kết: 5 đòn Mae geri, 5 đòn Chudan zuki
- + Vòng 1/16: 5 đòn Jodan zuki
- Lớp 4-5: JIYU IPPON KUMITE (Đôi luyện đồng đội hỗn hợp nam nữ 6 người - Thể thức loại trực tiếp 1 lần thua).
- + Vòng chung kết: 9 đòn tự chọn 30 đòn Jiyu kumite
- + Vòng bán kết: 3 đòn Ushiro geri, 3 đòn Yoko geri, 3 đòn Mawashi geri
- + Vòng tứ kết: 5 đòn Mae geri, 3 đòn Kizami zuki, 3 đòn Gyaku zuki
- + Vòng 1/16: 5 đòn Jodan zuki, 5 đòn Chudan zuki.
- c) Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ:
 - Lớp 4-5:
 - + Nam: từ 30 - 35kg, từ 35 - 40kg, từ 40 - 45kg, từ 45 - 50kg và trên 50kg
 - + Nữ: từ 26 - 30kg, từ 30 - 35kg, từ 35 - 40kg, từ 40 - 45kg, từ 45 - 50kg và trên 50kg

2.2. Trung học cơ sở

- a) Thi Kata đồng đội nam 03 VĐV; đồng đội nữ 03 VĐV; đồng đội phối hợp nam nữ 03 VĐV; cá nhân nam, cá nhân nữ.
- b) Thi Kumite đồng đội nam: 05 VĐV + 02 dự bị; Thi Kumite đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị;
- c) Thi Kumite cá nhân nam, nữ:
 - Nam: từ 40 đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, đến 70kg đến 75kg, đến 80kg và trên 80kg
 - Nữ: từ 36 đến 40 kg, đến 44kg, đến 48kg, đến 52kg, đến 56kg, đến 59kg, đến 62kg, đến 65kg và trên 65kg.

2.3. Trung học phổ thông

- a) Thi Kata Đồng đội nam: 03 VĐV; Thi Kata Đồng đội nữ: 03 VĐV; Thi Kata Cá nhân: 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ;
- b) Thi Kumite Đồng đội nam: 05 VĐV nam + 02 dự bị; Thi Kumite Đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị;
- c) Thi Kumite cá nhân nam, nữ:
 - Nam: từ 40 đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, đến 70kg đến 75kg, đến 80kg, đến 84kg và trên 84kg
 - Nữ: từ 36 đến 40 kg, đến 44kg, đến 48kg, đến 52kg, đến 56kg, đến 59kg, đến 62kg, đến 65kg, đến 68kg và trên 68kg.

3. Thể thức thi đấu: loại trực tiếp 1 lần thua

4. Luật thi đấu: áp dụng theo Luật thi đấu mới của Liên đoàn Karate thế giới (WKF).

5. Các quy định khác

- VĐV tham dự phải có thẻ chuyên môn cấp đại do Liên đoàn Karatedo Thành phố Hồ Chí Minh ban hành :
- + Đại đồ (Kyu 4) đối với cấp tiểu học;

- + Đại nân cấp 1 (Kyu 1) đối với cấp THCS;
- + Cấp đai đen nhất đẳng đối với cấp THPT do Cục Thể dục thể thao hoặc Liên đoàn Karatedo Thành phố ban hành;
- VĐV phải có trang phục bảo vệ: Coquylle, áo giáp, găng, bảo hộ ống quyển, bảo hộ răng.

6. Xếp hạng: theo quy định của Luật Karate hiện hành.

Điều 20. Môn Kéo co

1. Thời gian, địa điểm (đánh kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học:

- Nam thi đấu 01 hạng cân: không quá 400kg.
- Nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 380kg
- Hỗn hợp nam, nữ thi đấu 02 hạng cân: không quá 370kg, 390kg.

2.2. Trung học cơ sở:

- Nam thi đấu 01 hạng cân: không quá 460kg;
- Nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 420kg;
- Đồng đội nam nữ phối hợp thi đấu 02 hạng cân: không quá 430kg, không quá 460kg.

2.3. Trung học phổ thông:

- Nam thi đấu 01 hạng cân: không quá 520kg;
- Nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 440kg;
- Đồng đội nam, nữ thi đấu 02 hạng cân: không quá 460kg, không quá 500kg.

3. Số lượng và điều kiện đăng ký tham dự

- Mỗi đội tối đa có 13 VĐV (08 chính thức, 05 dự bị).
- Khi cân trọng lượng ban đầu phải có đủ 08 VĐV, đội nào không đủ 08 VĐV trong lúc cân xem như không đủ điều kiện tham dự.
- Trận đấu sẽ tiến hành khi có đủ 8 VĐV từ hiệp I và sang hiệp II phải còn ít nhất 07 VĐV, nếu ít hơn 7 VĐV thì đội đó sẽ không đủ điều kiện thi đấu.

4. Thể thức thi đấu

- Thi đấu hỗn hợp nam, hỗn hợp nữ, hỗn hợp nam nữ (4 nam, 4 nữ).
- Căn cứ vào số đội tham gia và các Điều kiện khác; BTC sẽ lựa chọn hình thức thi đấu loại trực tiếp hoặc vòng tròn cho phù hợp.
- Thi đấu vòng tròn 2 hiệp tính điểm: đội thắng 3 điểm, hòa 1 điểm, thua 0 điểm; bán kết và chung kết thi đấu loại trực tiếp 3 thắng 2. Đội bỏ cuộc bị xử thua 0-2 “không kéo” cho mỗi hiệp.
- Cách xếp hạng: căn cứ vào tổng số điểm của mỗi đội để xếp hạng.

Lưu ý: một số trường hợp trong thi đấu BTC sẽ Hội thi quyết như sau:

- a) Đối với 02 đội bằng điểm nhau sẽ xét theo thứ tự:
 - Kết quả trận đối đầu;
 - Cân nặng;

- Lỗi;
- Cuối cùng là bốc thăm.

b) VĐV thi đấu chạm tay xuống sàn, sân thi đấu quá thời gian 05 giây xem như vi phạm 01 lỗi (03 lỗi xem như thua hiệp hoặc thua trận).

- Thực hiện động tác chèo thuyền 01 lần tính 01 lỗi; 03 lần chèo thuyền liên tục xem như thua hiệp hoặc thua trận.

c) Trong lúc đang thi đấu 02 đội đã vi phạm 02 lỗi và cả 02 bên đều ngời kéo (theo Luật Kéo co hiện hành) quá lâu thì Hội thi quyết như sau:

Trường hợp đang diễn ra trận đấu 02 đội không đội nào đứng dậy thì trọng tài có quyền dừng trận đấu và buộc 02 đội đứng lên để tiếp tục thi đấu tại vị trí đã dừng (khi dừng trận đấu thì không cho bất kỳ sẵn sóc viên, VĐV ngoài bước vào sân thi đấu).

d) Đối với 02 đội thi đấu không tích cực hoặc đơn phương ký biên bản nhận thua để nhường cho đơn vị khác thắng thì BTC sẽ truất quyền thi đấu của đơn vị đó ở nội dung thi đấu không tích cực.

5. Luật thi đấu: áp dụng theo luật thi đấu môn Kéo co hiện hành.

6. Các quy định khác

- Các đội được phép thay 02 VĐV cho mỗi trận đấu, trọng lượng VĐV thay vào phải bằng hoặc nhỏ hơn trọng lượng VĐV thay ra và được sự kiểm tra của trọng tài bàn. VĐV được thay ra sẽ mất quyền tham dự các trận thi đấu ở nội dung đã được thay.

- Phải mặc quần dài, mang giày thể thao khi chỉ đạo trận đấu, BTC là người quyết định trang phục của người chỉ đạo có phù hợp hay không.

- VĐV phải mặc trang phục cân và trang phục thi đấu đúng quy định trừ VĐV số 08 (trang phục thể thao cùng màu) và mang giày không có đế cứng khi thi đấu hoặc giày chề (giày không có đơn vị sản xuất). Khi thi đấu không đeo bao tay hoặc sử dụng các vật có móc, điểm tì... và phải mang giày thi đấu.

- HLV, sẵn sóc viên phải mặc trang phục thể thao và mang giày thể thao khi vào sân làm nhiệm vụ. Trường hợp không đúng trang phục BTC sẽ tước quyền chỉ đạo đối với HLV, sẵn sóc viên của đội vi phạm.

- Trang phục: đội tham dự phải cùng trang phục.

- Sân thi đấu: sân thi đấu có bề mặt phẳng bằng gỗ hoặc nhựa tổng hợp.

- Dây kéo: bằng sợi thừng theo tiêu chuẩn của ITWF.

- Trọng tài: do Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố điều động.

7. Xếp hạng: theo quy định của Luật Kéo co hiện hành.

Điều 21. Môn Petanque (Bi sắt)

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học (04 nội dung): đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ.

2.2. Trung học cơ sở (06 nội dung): đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, kỹ thuật nam, kỹ thuật nữ.

2.3. Trung học phổ thông (08 nội dung): đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, bộ ba nam, bộ ba nữ, kỹ thuật nam, kỹ thuật nữ.

3. Thẻ thức thi đấu: tùy theo số lượng VĐV đăng ký tham dự, BTC sẽ thống nhất trong cuộc họp kỹ thuật và bốc thăm.

4. Luật thi đấu: áp dụng luật thi đấu Petanque do Ủy ban TDTT Việt Nam ban hành năm 2006.

5. Các quy định khác

- Mỗi VĐV được đăng ký tối đa 02 nội dung thi đấu (gồm đơn, đôi, bộ ba) và 01 nội dung kỹ thuật nam, nữ cho 01 cấp học.

- Vận động viên không có mặt sau 15 phút gọi tên thi đấu xem như bỏ cuộc. Trang phục thi đấu phải là áo thể thao; đối với nội dung đôi, bộ ba phải mặc áo đồng phục giống nhau, quần thể thao, giày thể thao (quần Jeans không được phép thi đấu).

6. Xếp hạng

6.1. Mỗi nội dung thi đấu: xếp hạng nhất, nhì và đồng hạng ba cho mỗi nội dung

6.2. Toàn đoàn: xếp hạng theo tổng điểm, tổng số huy chương (vàng, bạc, đồng).

Điều 22. Môn Taekwondo

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Thi đấu đối kháng cá nhân:

- a) Tiểu học nam: không quá 22kg, 24kg, 26kg, 28kg, 30kg, 32kg.
- b) Tiểu học nữ: không quá 22kg, 24kg, 26kg, 28kg, 30kg, 32kg.
- c) Trung học cơ sở nam: không quá 33kg, 37kg, 41kg, 45kg, 49kg, 53kg.
- d) Trung học cơ sở nữ: không quá 29kg, 33kg, 37kg, 41kg, 44kg, 47kg.
- e) Trung học phổ thông nam: không quá 45kg, 48kg, 51kg, 55kg, 59kg, 63kg.
- f) Trung học phổ thông nữ: không quá 42kg, 44kg, 46kg, 49kg, 52kg, 55kg.

2.2. Thi đấu đối kháng đồng đội nam, nữ:

a) Tiểu học:

- Đồng đội 2 VĐV: Nam không quá 90kg, Nữ không quá 80kg
- Đồng đội 3 VĐV: Nam không quá 120kg, Nữ không quá 110kg
- Đồng đội 4 VĐV: Nam không quá 160kg, Nữ không quá 150kg

b) Trung học cơ sở:

- Đồng đội 2 VĐV: Nam không quá 140kg, Nữ không quá 130kg
- Đồng đội 3 VĐV: Nam không quá 200kg, Nữ không quá 185kg
- Đồng đội 4 VĐV: Nam không quá 260kg, Nữ không quá 235kg.

c) Trung học phổ thông:

- Đồng đội 2 VĐV: Nam không quá 160kg, Nữ không quá 110kg
- Đồng đội 3 VĐV: Nam không quá 230kg, Nữ không quá 170kg
- Đồng đội 4 VĐV: Nam không quá 300kg, Nữ không quá 230kg

(Đăng ký các vận động viên thi đấu chính thức theo thứ tự hạng cân từ thấp đến cao và theo mẫu của BTC sau khi cân VĐV)

2.3. Thi đấu đối kháng đồng đội hỗn hợp nam nữ:

- a) Tiểu học: 2 nữ không quá 80kg + 2 nam không quá 90kg
- b) Trung học cơ sở: 2 nữ không quá 100kg + 2 nam không quá 120kg
- c) Trung học phổ thông: 2 nữ không quá 120kg + 2 nam không quá 140kg

2.4. Thi đấu quyền tiêu chuẩn: Đồng đội nam, nữ; Đôi nam nữ:

- a) Tiểu học: Taegeuk 3, 4, 5, 6, 7, 8, Koryo
- b) Trung học cơ sở: Taegeuk 4, 5, 6, 7, 8, Koryo, Keumgang
- c) Trung học phổ thông: Taegeuk 5, 6, 7, 8, Koryo, Keumgang, Taebaek

2.5. Thi đấu quyền sáng tạo 3 cấp học: Đồng đội nam 3 VĐV, Đồng đội nữ 3 VĐV; đôi nam nữ và đồng đội phối hợp 5 VĐV (có ít nhất 02 VĐV nam hoặc 02 VĐV nữ).

a) Thi 2 vòng: Khi có 13 đôi; đội trở lên, thi vòng loại chọn 6 đôi; đội vào thi vòng chung kết xếp hạng; Khi có từ đôi; đội VĐV trở xuống, chỉ thi một vòng chung kết xếp hạng.

b) Mỗi vòng thi một bài quyền sáng tạo theo quy định của WT:

- Thời gian: 90 giây – 100 giây
- Năm (05) nhóm kỹ thuật bắt buộc theo trình tự:

- 1) Bay đá cao.
- 2) Bay đá nhiều mục tiêu trên không.
- 3) Bay đá xoay theo trục đứng.
- 4) Kỹ thuật đá đối kháng.
- 5) Nhào lộn có đá theo trục ngang.

- Kỹ thuật đá căn bản chậm 5 - 10 giây.

- Được quyền sử dụng bất kỳ kỹ thuật nào cho phần giới thiệu và có thể thực hiện kỹ thuật nhào lộn có đá và/hoặc bay đá xoay bất cứ lúc nào giữa các nhóm kỹ thuật bắt buộc.

2.6. Thi kỹ thuật công phá chân theo 3 cấp học: 6 nội dung (cá nhân nam, cá nhân nữ): mỗi VĐV thực hiện 4 kỹ thuật bay đá: bay đá trước cao, bay đá nhiều mục tiêu, bay đá xoay trên trục đứng và kỹ thuật nhào lộn có đá.

2.7. Thi đồng đội biểu diễn theo 3 cấp học: 3 nội dung, mỗi đội có từ 7 - 11 VĐV. Thi đấu theo Quy định Hội thi vô địch Đồng đội biểu diễn thế giới 2024.

3. Thể thức thi đấu

- Thi đấu đối kháng cá nhân; đồng đội nam, nữ; đồng đội phối hợp nam nữ của 3 cấp học theo thể thức đấu loại trực tiếp.

- Thi quyền tiêu chuẩn đồng đội nam, nữ; đôi nam nữ của 3 cấp học theo thể thức đấu thi đấu loại trực tiếp.

- Thi quyền sáng tạo đồng đội nam 3 VĐV, nữ 3 VĐV; đôi nam nữ, đồng đội phối hợp 5 VĐV theo thể thức từng vòng cut-off.

- Thi kỹ thuật công phá cá nhân nam, nữ; theo thể thức từng vòng cut-off

- Thi đồng đội biểu diễn theo thể thức vòng tròn

4. Luật thi đấu: áp dụng theo Luật thi đấu và Luật thi quyền Taekwondo thể giới hiện hành.

5. Các quy định khác

5.1. Thời gian thi đấu:

- Đối kháng TH: 3 hiệp x 45 giây, giữa mỗi hiệp nghỉ 1 phút

- Đối kháng THCS: 3 hiệp x 1 phút, giữa mỗi hiệp nghỉ 1 phút

- Đối kháng THPT: 3 hiệp x 1 phút 30 giây, giữa mỗi hiệp nghỉ 1 phút

- Đối kháng đồng đội: 01 hiệp x 4 phút, 1 hiệp 3 phút và 02 hiệp x 3 phút

5.2. VĐV tham dự phải có trình độ chuyên môn từ đai đỏ cấp 4 trở lên.

5.3. Phải mặc võ phục sạch sẽ, đúng quy cách; tóc, móng tay, móng chân cắt ngắn, không được mang trang sức khi thi đấu.

5.4. Phải có bảo hộ tay chân, hạ bộ, bảo vệ răng (đơn vị tự lo); áo giáp, bảo hộ đầu theo đúng quy định (BTC chuẩn bị).

6. Xếp hạng:

6.1. Cá nhân, đôi, đồng đội: theo quy định của Luật Taekwondo (Đối kháng và Quyền) hiện hành.

6.2. Toàn đoàn: BTC sẽ xếp hạng toàn đoàn của hai nội dung thi quyền và thi đấu đối kháng nam; thi đấu đối kháng nữ.

Điều 23. Môn Võ cổ truyền

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Thi đấu quyền biểu diễn

a) Tiểu học:

- *Bài căn bản công pháp 27 động tác*

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

+ Nội dung tập thể (từ 06 - 10 VĐV) gồm: tập thể nam, tập thể nữ, tập thể nam + nữ (tối thiểu 03 VĐV nam + 03 VĐV nữ).

+ Nội dung đối luyện (từ 02 - 05 VĐV): Nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp 27 động tác.

- *Bài Thần Đồng Quyền*

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.2

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

b) Trung học cơ sở:

- *Bài căn bản công pháp 36 động tác*

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

+ Nội dung tập thể (từ 06 - 10 VĐV) gồm: tập thể nam, tập thể nữ, tập thể nam + nữ (tối thiểu 03 VĐV nam + 03 VĐV nữ).

+ Nội dung đối luyện (từ 02 - 05 VĐV): nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp II (36 động tác).

- *Bài Ngọc Trản Quyền.*

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

c) Trung học phổ thông:

- *Bài Căn bản công pháp 45 động tác*

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

+ Nội dung tập thể (từ 06 - 10 VĐV) gồm: tập thể nam, tập thể nữ, tập thể nam + nữ (tối thiểu 03 VĐV nam + 03 VĐV nữ).

+ Nội dung đối luyện (từ 02 - 05 VĐV): nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền căn bản công pháp số III (45 động tác).

- *Bài Lão Mai Quyền*

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

2.2. Thi đấu đối kháng

a) Tiểu học: 04 hạng cân nam, 04 hạng cân nữ

- Nam: dưới 36 kg (Trên 33kg), - 39kg, - 42kg, - 45kg.

- Nữ: dưới 36 kg (Trên 33kg), - 39kg, - 42kg, - 45kg.

b) Trung học cơ sở: 08 hạng cân nam, 06 hạng cân nữ

- Nam: dưới 39kg (Trên 36kg), - 42kg, - 45 kg, - 48kg, - 51kg, - 54kg, - 57kg và trên 57kg.

- Nữ: dưới 39kg (Trên 36), - 42kg, - 45kg, - 48kg, - 51kg và trên 51kg.

c) Trung học phổ thông: 08 hạng cân nam, 06 hạng cân nữ

- Nam: dưới 48kg (Trên 45), - 51kg, - 54kg, - 57kg, - 60kg, - 64kg, - 68kg và trên 68kg.

- Nữ: dưới 45kg (Trên 42), - 48kg, - 51kg, - 54kg, - 57kg và trên 57kg.

3. Thể thức thi đấu: loại trực tiếp

4. Luật thi đấu: thi đấu theo Luật Võ Cổ truyền Việt Nam do Cục Thể dục thể thao hiện hành.

5. Các quy định khác

- Mỗi đơn vị trường học, Trường Phổ thông năng khiếu TDTT được cử tham dự tối đa 08 nội dung thi đấu quyền thuật cho mỗi cấp học.
- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký tham gia thi đấu tối đa 03 nội dung.
- Thời gian thi đấu đối kháng cho cấp Tiểu học: 60 giây x 3 hiệp, giữa mỗi hiệp nghỉ 45 giây.
- Thời gian thi đấu đối kháng cho cấp THCS-THPT: 120 giây x 3 hiệp, giữa mỗi hiệp nghỉ 60 giây.
- Trang phục: trang phục Võ Cổ truyền Việt Nam theo quy định của Liên đoàn Võ Cổ truyền Việt Nam.
- Các vận động viên phải có bảo hộ hạ bộ, bảo vệ răng, bảo hộ cho (đơn vị tự lo) áo giáp, găng tay, bảo hộ đầu theo đúng quy định (BTC chuẩn bị).

6. Xếp hạng

6.1. Đối kháng: xếp hạng nhất, nhì và đồng hạng ba cho mỗi nội dung.

6.2. Thi quyền: xếp hạng nhất, nhì và đồng hạng ba cho mỗi nội dung.

6.3 Toàn đoàn: theo quy định chung của Điều lệ.

Điều 24. Môn Judo

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học: 7 hạng cân nam, 7 hạng cân nữ.

- Nam: dưới 34, 38, 42, 46, 50, 55 và trên 55kg.

- Nữ: dưới 32, 36, 40, 44, 48, 52 và trên 52kg.

2.2. Trung học cơ sở lớp 6-7: 7 hạng cân nam, 7 hạng cân nữ.

- Nam: dưới 38, 42, 46, 50, 55, 60 và trên 60kg.

- Nữ: dưới 36, 40, 44, 48, 52, 57 và trên 57kg.

2.3. Trung học cơ sở lớp 8-9: 9 hạng cân nam, 9 hạng cân nữ

- Nam: dưới 38, 42, 46, 50, 55, 60, 66, 73 và trên 73kg.

- Nữ: dưới 36, 40, 44, 48, 52, 57, 63, 70 và trên 70kg.

2.4. Trung học phổ thông: 9 hạng cân nam, 9 hạng cân nữ.

- Nam: dưới 50, 55, 60, 66, 73, 81, 90, 100 và trên 100kg.

- Nữ: dưới 42, 45, 48, 52, 57, 63, 70, 78 và trên 78kg.

3. Thể thức thi đấu

- Thi đấu theo thể thức loại trực tiếp ở khối Tiểu học và Trung học cơ sở.

- Thi đấu theo thể thức Repercharge ở các khối Trung học phổ thông.

- Thi đấu xếp hạng cá nhân và toàn đoàn.

4. Luật thi đấu: áp dụng luật thi đấu của Liên đoàn Judo Việt Nam ban hành.

5. Các quy định khác

5.1. Vận động viên cấp Trung học cơ sở phải có trình độ chuyên môn từ Đại Cam trở lên; VĐV cấp Trung học phổ thông phải có trình độ chuyên môn Đại Xanh lá trở lên và phải mang đúng trình độ chuyên môn khi thi đấu.

5.2. Trang phục:

- Võ phục đúng quy cách có huy hiệu Liên đoàn Judo Thành phố.
- VĐV không mang trang sức, để râu, tóc, móng tay, móng chân dài.
- HLV Trưởng phải mặc trang phục thể thao có tên đơn vị, quần dài, mang giày (có tên trong danh sách đăng ký mới được ngồi ghế chỉ đạo).

5.3. Thời gian trận đấu:

- Khối Tiểu học: 02 phút/trận dành cho nam và nữ.
- Khối Trung học cơ sở: 03 phút/trận dành cho nam và nữ.
- Khối Trung học phổ thông: 04 phút/trận dành cho nam và nữ.

6. Xếp hạng

Mỗi nội dung thi đấu: theo quy định của Luật Judo hiện hành.

Điều 25. Môn Vovinam

1. Thời gian, địa điểm (đính kèm phụ lục)

2. Nội dung thi đấu: 88 bộ huy chương.

2.1. Thi đấu đối kháng: 53 bộ huy chương.

a) Tiểu học: 08 hạng cân nam, 08 hạng cân nữ

- Nam: dưới 32kg (trên 28kg), 34kg, 36kg, 38kg, 40kg, 42kg, 45kg, 48kg.

- Nữ: dưới 32kg (trên 28kg), 34kg, 36kg, 38kg, 40kg, 42kg, 45kg, 48kg.

b) Trung học cơ sở: 10 hạng cân nam, 08 hạng cân nữ

- Nam: dưới 42kg (trên 36kg), 45kg, 48kg, 51kg, 54kg, 57kg, 60kg, 64kg và 68kg, trên 68kg (không quá 75kg).

- Nữ: dưới 39kg (trên 33kg), 42kg, 45kg, 48kg, 51kg, 54kg, 57kg và 60kg.

c) Trung học phổ thông: 10 hạng cân nam, 09 hạng cân nữ

- Nam: dưới 45kg (trên 39kg), 48kg, 51kg, 54kg, 57kg, 60kg, 64kg, 68kg, 72kg, trên 72kg (không quá 80kg).

- Nữ: dưới 45kg (trên 39kg), 48kg, 51kg, 54kg, 57kg, 60kg và 63kg, 66kg, trên 66kg (không quá 75kg).

2.2. Thi quyền: 35 bộ huy chương.

a) Tiểu học: 07 bộ huy chương

- Đơn luyện Nam: Thập tự quyền.

- Đơn luyện nữ: Thập tự quyền.

- Quyền đồng đội nam – bài Long hổ quyền: mỗi đội gồm 05 VĐV.

- Quyền đồng đội nữ - bài Thập tự quyền: mỗi đội gồm 05 VĐV.

- Võ nhạc Vovinam đồng đội nam - Bài số 1: mỗi đội gồm 10 VĐV.

- Võ nhạc Vovinam đồng đội nữ - Bài số 1: mỗi đội gồm 10 VĐV.

- Võ nhạc Vovinam đồng đội hỗn hợp nam nữ - Bài số 1: mỗi đội gồm 10 (tối thiểu có 04 nam hoặc 04 nữ trong đội hình).

b) Trung học cơ sở: 11 bộ huy chương

- Đơn luyện nam: Tứ trụ quyền, Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp.
- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền, Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp.
- Song luyện nam: Song luyện 1.
- Song luyện nữ: Song luyện 1.
- Quyền đồng đội nam – bài Long hổ quyền: mỗi đội gồm 05 VĐV.
- Quyền đồng đội nữ - bài Thập tự quyền: mỗi đội gồm 05 VĐV.
- Võ nhạc Vovinam đồng đội nam - Bài số 1: mỗi đội gồm 10 VĐV.
- Võ nhạc Vovinam đồng đội nữ - Bài số 1: mỗi đội gồm 10 VĐV.
- Võ nhạc Vovinam đồng đội hỗn hợp nam nữ - Bài số 1: mỗi đội gồm 10 (tối thiểu có 04 nam hoặc 04 nữ trong đội hình).

c) Trung học phổ thông: 17 bộ huy chương

- Đơn luyện nam: Ngũ môn quyền, Tứ tượng côn pháp.
- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền, Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp.
- Song luyện nam: Song luyện 3.
- Song luyện nữ: Song luyện 2.
- Đòn chân tấn công nam: mỗi đội gồm 04 VĐV, thi tổng cộng 08 đòn chân (mỗi VĐV thực hiện 02 đòn chân, sử dụng các đòn chân số: 7, 8, 9, 11, 12, 14, 17, 18).

- Tự vệ nữ: thực hiện tối thiểu 05 đòn thế cơ bản Vovinam, (thời gian thực hiện bài thi tối đa là 03 phút).

- Đa luyện nam: Đa luyện tay không nam, Đa luyện vũ khí nam.
- Đa luyện nữ: Đa luyện tay không nữ, Đa luyện vũ khí nữ.
- Quyền đồng đội nam – bài Long hổ quyền: mỗi đội gồm 05 VĐV.
- Quyền đồng đội nữ - bài Thập tự quyền: mỗi đội gồm 05 VĐV.
- Võ nhạc Vovinam đồng đội nam - Bài số 1: mỗi đội gồm 10 VĐV.
- Võ nhạc Vovinam đồng đội nữ - Bài số 1: mỗi đội gồm 10 VĐV.
- Võ nhạc Vovinam đồng đội hỗn hợp nam nữ - Bài số 1: mỗi đội gồm 10 (tối thiểu có 04 nam hoặc 04 nữ trong đội hình).

** Cách xếp hạng: xếp hạng theo thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp cho từng bài thi. Nếu có 02 hay nhiều vận động viên, tập thể bằng điểm nhau thì xét vận động viên, tập thể nào có 1,2.../5 trọng tài chấm điểm cao hơn sẽ được xếp thứ hạng trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp đồng hạng (đối với đồng số điểm đạt huy chương đồng). Riêng trường hợp đồng số điểm đạt huy chương vàng, huy chương bạc, các vận động viên, tập thể sẽ tiếp tục thi lại nội dung đó để xác định thứ hạng.*

3. Thể thức thi đấu

- Đối kháng: thi đấu xếp hạng từng hạng cân nam, nữ theo thể thức đối kháng loại trực tiếp 1 lần thua.

- Vận động viên cấp Tiểu học thi đấu 03 hiệp, mỗi hiệp 40 giây, nghỉ giữa các hiệp 30 giây; Vận động viên cấp Trung học cơ sở thi đấu 03 hiệp, mỗi hiệp

01 phút, nghỉ giữa các hiệp 30 giây; Vận động viên cấp Trung học phổ thông thi đấu 03 hiệp, mỗi hiệp 01 phút 30 giây, nghỉ giữa các hiệp 45 giây.

* Sau khi kết thúc 03 hiệp thi đấu chính thức, nếu 02 VĐV hòa điểm nhau sẽ tiến hành thi đấu hiệp “Điểm VÀNG” (thay cho hiệp phụ) với thời gian tương ứng thời gian hiệp chính của từng nhóm tuổi, nếu có VĐV nào ghi điểm trước thì trận đấu sẽ kết thúc ngay tại thời điểm đó, VĐV ghi điểm trước được tuyên bố thắng cuộc. Nếu kết thúc hiệp “Điểm VÀNG”, 02 VĐV vẫn hòa điểm nhau thì BTC sẽ mời 02 VĐV (chỉ mặc võ phục mang đai và bảo hộ hạ bộ, không mang bảo hộ: răng, tay chân, gối, giáp, mũ bảo hộ) lên bàn BTC cân xác định trọng lượng 01 lần duy nhất, VĐV nào có trọng lượng nhỏ hơn được tuyên bố thắng cuộc. Nếu trọng lượng 02 VĐV vẫn bằng nhau thì tiến hành bốc thăm để xác định VĐV thắng cuộc.

- Thi quyền: Tranh Hạng 1, 2, 3 cá nhân, đôi (*song luyện, tự vệ nữ*), đồng đội (*đa luyện, đòn chân, quyền đồng đội, võ nhạc đồng đội*) nam, nữ.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật thi đấu Vovinam sửa đổi, bổ sung do Cục Thể dục thể thao ban hành theo Quyết định số 304/QĐ-TCTDTT ngày 23 tháng 3 năm 2018 và theo tình hình đặc thù phát triển của Vovinam Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các quy định khác

5.1. Quy định về thời gian:

- BTC sẽ không nhận hồ sơ không đúng thủ tục và trễ hạn.
- Trong ngày nộp hồ sơ thi đấu, các đơn vị không thực hiện hồ sơ theo quy định của Điều lệ Hội thi sẽ bị loại.

5.2. Các quy định về thi Võ nhạc:

a) Bài Võ nhạc Vovinam số 1: do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố triển khai tháng 11/2017, thời gian quy định từ 02 phút 45 giây đến 03 phút 25 giây.

* *Lưu ý: Bài thi chỉ được tính từ lúc bắt đầu nhạc cho đến kết thúc nhạc (không thay đổi hoặc làm mới nhạc quy định), không sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca trong bài thi.*

b) Về độ khó bài thi:

- Thấp nâng (tĩnh hoặc động): quy định phải có ít nhất 3 vận động viên liên kết thành cấu trúc có tầng và giữ trong 03 giây (thời điểm có nhạc) mới được tính là 01 Thấp.

- Đội hình di chuyển:

+ Được công nhận đội hình: khi di chuyển từ đội hình ban đầu thành đội hình khác và thực hiện động tác trong 02x08 nhịp tiếp theo.

+ Không được công nhận đội hình: trong trường hợp các VĐV chỉ thay đổi vị trí (hoặc di chuyển liên tục) mà không thực hiện động tác kỹ thuật hoặc chỉ đổi hướng đánh không di chuyển đội hình.

- Được phép xây dựng hiệu ứng trong bài như:

+ Hiệu ứng làn sóng, di chuyển đổi hướng nhưng vẫn đảm bảo đúng các động tác chuyên môn Vovinam trong bài quy định.

+ Trong 02x08 nhịp không có vận động viên nào đứng yên quá 07 nhịp và phải đảm bảo có tối thiểu 05 vận động viên làm đúng động tác chuyên môn Vovinam trong bài quy định.

- Âm nhạc: các đơn vị chuyển nhạc đến BTC trước giờ thi đấu 60 phút, sử dụng nhạc có chất lượng âm thanh tốt, các đơn vị tự chịu trách nhiệm về nội dung và bản quyền.

c) Cách tính điểm:

- VĐV đeo trang sức và trang phục sai quy định = trừ 02 điểm/VĐV.

- Lỗi nhạc ít hơn hoặc nhiều hơn thời gian quy định từ 02 phút 45 giây đến 03 phút 25 giây = trừ 01 điểm/giây.

- Thay đổi, làm mới kết cấu nhạc quy định = trừ 02 điểm/giây.

- VĐV rơi đạo cụ, trang phục... trong thời gian thi đấu = trừ 01 điểm/VĐV.

- Đội thi mặc đúng trang phục quy định = cộng 05 điểm.

- Đội thi có phong cách trình diễn (đầu tư trang phục, phụ kiện, giày đồng bộ, đẹp mắt...) = cộng từ 01 đến 05 điểm.

- Các lỗi vi phạm không đồng bộ (thực hiện động tác không đồng đều với đội hình, không chính xác nhịp theo nhịp của động tác bài quy định), té ngã = trừ từ 0.5 điểm đến 2 điểm/lần.

- Điểm Nghệ thuật xây dựng tháp nâng tĩnh hoặc động = cộng điểm từ 01 điểm đến 05 điểm.

- Điểm Nghệ thuật xây dựng đội hình di chuyển = cộng từ 01 điểm đến 10 điểm.

- Điểm Nghệ thuật phối hợp và sáng tạo = cộng điểm từ 01 điểm đến 15 điểm.

- Điểm thực hiện động tác kỹ thuật thể dục = cộng điểm từ 01 điểm đến 15 điểm.

- Điểm thực hiện động tác kỹ thuật chuyên Vovinam = cộng điểm từ 01 điểm đến 15 điểm.

- Kết quả bài thi được đánh giá bằng tổng số điểm trung bình của các Ban Trọng tài.

- Cách xếp hạng: xếp hạng theo thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp cho từng bài thi. Nếu có 02 hay nhiều đơn vị bằng điểm nhau thì xét điểm lần lượt: Ban Chuyên môn, Ban Nghệ thuật, Ban Thực hiện. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp đồng hạng (đối với đồng số điểm đạt huy chương bạc, huy chương đồng). Riêng trường hợp đồng số điểm đạt huy chương vàng, các đơn vị sẽ tiếp tục thi lại nội dung đó để xác định thứ hạng.

5.3. Quy định chuyên môn:

- VĐV phải có trình độ chuyên môn từ Lam đai trở lên (không áp dụng cho các VĐV thi nội dung Võ nhạc). Thẻ đăng cấp hoặc Thẻ VĐV do Liên đoàn Vovinam Việt Võ Đạo Thành phố cấp (từ Lam đai tam cấp trở xuống) hoặc do Liên đoàn Vovinam Việt Nam cấp (từ Hoàng đai trở lên).

- Các huấn luyện viên, sẵn sóc viên có tên trong danh sách đăng ký của đoàn nào chỉ được quyền chỉ đạo đoàn đó.

- Các đơn vị không tham dự nội dung thi quyền sẽ không được xếp hạng toàn đoàn.

- Cân Vận động viên: các đơn vị chỉ được cân 01 lượt duy nhất cho tất cả VĐV đối kháng của đơn vị mình theo thứ tự bốc thăm trong ngày họp lãnh đội theo lịch hoạt động do BTC quy định (có thể cân tập trung, cân theo từng nhóm tuổi hoặc cân theo từng ngày thi đấu). Trong trường hợp không cân theo quy định thì phải có lý do chính đáng và phải có sự đồng ý của Thường trực BTC, Tổ trọng tài cân sẽ cho cân bổ sung vào cuối buổi cân.

- Trọng tài làm nhiệm vụ do Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố phối hợp với Liên đoàn Vovinam Việt Võ Đạo Thành phố điều động.

- Trang phục thi đấu:

+ Trang phục thi đấu của VĐV: Võ phục đúng quy cách (không mang tên Việt Nam, tên tỉnh, thành, ngành, không in hoặc thêu cờ quốc gia trước, sau lưng và các loại cờ, logo ngoài quy định của BTC), thắt đai vàng trơn (riêng cấp Tiểu học thắt đai xanh màu áo hoặc đai xanh đậm trơn), bảo hộ tay chân, bảo vệ hạ bộ, bảo hộ răng, găng, giáp, mũ bảo hộ... của VĐV do đơn vị tự trang bị theo đúng quy định chuyên môn Vovinam; tóc sạch gọn, móng tay, móng chân cắt ngắn, không mang trang sức khi thi đấu; giày thể thao đế bằng, đồng bộ kiểu, màu sắc.

+ Trang phục chỉ đạo thi đấu của HLV và Sẵn sóc viên: Áo thun thể thao (không mang tên Việt Nam, tên tỉnh, thành, ngành, không in, thêu cờ quốc gia trước và sau lưng), quần dài thể thao (chiều dài ngang mắt cá chân), giày thể thao.

6. Xếp hạng: theo quy định của Điều lệ này.

Chương III **KHIẾU NẠI - KỶ LUẬT**

Điều 26. Khiếu nại

1. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật

a) Chỉ có lãnh đạo đoàn, huấn luyện viên trưởng mới có quyền khiếu nại khiếu nại bằng văn bản kèm theo 1.000.000đ (Một triệu đồng) nộp cho BTC môn thi đó sau khi xảy ra sự việc (trong 20 phút), BTC xem xét, quyết định trên cơ sở quy định chuyên môn. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật do Ban Trọng tài phối hợp BTC Hội thi TDTT xử lý tại chỗ theo đúng Luật và Điều trước khi buổi thi đấu kết thúc.

b) Mọi cá nhân, đơn vị có liên quan phải chấp hành các quyết định của Ban Trọng tài cuộc thi về những vấn đề khiếu nại. Nếu thấy chưa thỏa đáng có quyền khiếu nại lên BTC Hội thi TDTT, nhưng không được cố tình kéo dài cuộc thi hoặc bỏ cuộc.

2. Các khiếu nại về nhân sự

Lãnh đạo Đoàn gửi văn bản khiếu nại cho BTC Hội thi; trường hợp chưa có đủ điều kiện xử lý ngay, nhân sự bị khiếu nại vẫn đủ điều kiện dự thi, BTC sẽ bảo lưu để

thẩm tra và xử lý sau (chậm nhất là 5 ngày sau khi Hội thi của từng môn kết thúc) và thông báo lại với đơn vị có đơn khiếu nại bằng văn bản.

Điều 27. Kỷ luật

- Bất kỳ cá nhân, đơn vị vi phạm Điều lệ, những quy định của BTC Hội thi TDTT, BTC từng môn thể thao trong chương trình thi đấu Hội thi TDTT và có hành vi bỏ cuộc, kích động bỏ cuộc, tự ý kéo dài thời gian trong mọi tình huống, tùy theo mức độ vi phạm sẽ áp dụng hình thức kỷ luật từ phê bình, cảnh cáo đến truất quyền thi đấu của VĐV, quyền chỉ đạo của Huấn luyện viên hoặc hủy bỏ thành tích thi đấu của cá nhân vi phạm và của đôi, đồng đội, đội có cá nhân vi phạm.

- Nếu đơn vị (trường học) khiếu nại sai sự thật, tùy theo mức độ vi phạm BTC sẽ có biện pháp xử lý phù hợp.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ - KHEN THƯỞNG

Điều 28. Đánh giá kết quả

a) Căn cứ vào kết quả thi đấu của các đơn vị tại Hội thi TDTT cấp thành phố để tiến hành đánh giá, xếp hạng các đơn vị tham dự.

b) Căn cứ theo tổng số điểm và tổng số huy chương các đơn vị đạt tại Hội thi cấp Thành phố để xếp hạng từng môn và toàn đoàn.

c) Quy định xếp hạng theo trình tự như sau:

- Theo trình tự tổng số điểm; tổng số huy chương (huy chương vàng cộng huy chương bạc cộng huy chương đồng) đạt được.

- Trường hợp tổng số điểm bằng nhau, đơn vị nào có tổng số huy chương nhiều hơn sẽ được xếp trên và ngược lại.

- Trường hợp tổng số huy chương bằng nhau lần lượt xét số lượng huy chương theo thứ tự ưu tiên vàng, bạc, đồng.

d) Việc tổ chức và cử học sinh tham dự Hội thi TDTT là một trong các tiêu chí đánh giá thi đua cuối năm của các cơ sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 29. Khen thưởng

1. Căn cứ vào kết quả thi đấu của từng cá nhân và tập thể, BTC Hội thi TDTT khen thưởng như sau:

1.1. BTC từng môn sẽ trao huy chương, giải thưởng cho các cá nhân, đôi, đồng đội, đội đạt hạng Nhất, Nhì và đồng hạng Ba theo Điều lệ quy định.

a) Điều kiện trao giải đồng hạng ba:

- Đối với các môn cá nhân: mỗi nội dung phải có số lượng từ 25 VĐV trở lên (trừ các môn thi đấu vòng tròn xếp hạng, xác định thứ hạng chung cuộc dựa trên thành tích tính thời gian cụ thể...).

- Đối với các môn tập thể: mỗi nội dung phải có số lượng từ 15 đội trở lên (trừ các môn thi đấu vòng tròn xếp hạng).

b) BTC sẽ trao cờ toàn đoàn hạng Nhất, Nhì, Ba cho các đơn vị tham dự và đạt thành tích cao nhất.

1.2. Trên cơ sở báo cáo kết quả và danh sách các đơn vị đạt thành tích của Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ cấp Giấy chứng nhận cho các học sinh đạt thành tích Nhất, Nhì, Ba tại Hội thi TDDT.

2. Căn cứ vào kết quả thi đấu Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ khen thưởng và đề xuất khen thưởng như sau:

a) Tặng giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cho cơ sở giáo dục của 16 cụm chuyên môn trên cơ sở thành tích dẫn đầu về tổng số điểm, như sau:

- Tiểu học (32 trường): mỗi cụm 2 trường.
- THCS (32 trường): mỗi cụm 2 trường.
- THPT (32 trường): mỗi cụm 2 trường.

b) Tặng giấy khen đối với các liên đoàn, hội và các môn thể thao đã có nhiều hoạt động hỗ trợ, vận động tài trợ cho Hội thi TDDT, góp phần thu hút đông đảo lực lượng học sinh tham dự Hội thi.

c) Đề xuất bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các cá nhân, tập thể đặc biệt xuất sắc trong công tác phối hợp tổ chức, đăng cai Hội thi và vận động được nhiều nguồn kinh phí xã hội hóa phục vụ cho tổ chức Hội thi TDDT Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025 – 2026 (nếu có).

Điều 30. Tổng hợp và báo cáo số liệu

1. Đối với các bộ môn thể thao, liên đoàn thể thao Thành phố

Sau thời hạn 10 ngày (kể từ ngày kết thúc Hội thi), các bộ môn, các liên đoàn gửi báo cáo công tác tổ chức, kết quả thi đấu và danh sách VĐV đạt thành tích, các trường đạt thành tích đính kèm tập tin Excel gửi về Phòng Học sinh, sinh viên, Sở Giáo dục và Đào tạo theo địa chỉ 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn; email: tnnhan.sgddt@tphcm.gov.vn (mẫu số 4).

2. Đối với các cơ sở giáo dục

2.1. Báo cáo công tác tổ chức Hội thi TDDT cơ sở về cho BTC cấp thành phố (thông qua Phòng Học sinh, sinh viên – Sở Giáo dục và Đào tạo) đúng thời hạn quy định. Hạn chót nộp báo cáo ngày 31 tháng 3 năm 2026.

2.2. Hồ sơ báo cáo:

- Kế hoạch, Điều lệ và Báo cáo tổng kết Hội thi TDDT cơ sở.
- Các số liệu theo mẫu tổng hợp (mẫu số 5).

Điều 31. Thẩm quyền sửa đổi Điều lệ

Chỉ có BTC Hội thi TDDT Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025 - 2026 mới có quyền sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ này./.

Phụ lục
Thời gian và địa điểm tổ chức thi đấu Hội thi Thể dục thể thao
Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025-2026

TT	Môn	Thời gian	Địa điểm	Nội dung tổ chức			Tổng số nội dung
				TiH	THCS	THPT	
1.	Điền kinh	3/2026	Trung tâm cung ứng DV VHTT phường Chánh Hưng SVĐ Dĩ An SVĐ huyện Long Điền	14	44	26	84
2.	Bơi lội	3/2026	CLB Bơi Lặn Nguyễn Tri Phương, phường Hòa Hưng Hồ bơi Cộng Đồng THPT Long Hải, THPT chuyên Lê Quý Đôn	30	34	21	85
3.	Bóng bàn	1/2026	Trung tâm thể thao Hoa Lư THPT chuyên Hùng Vương THPT chuyên Lê Quý Đôn	11	14	7	32
4.	Bóng đá	02/2026	CLB Bơi Lặn Nguyễn Tri Phương, phường Hòa Hưng (TiH) Sân tập Đội tuyển Bóng đá Becamex, Sân Sora Garden Link THPT Vũng Tàu, THPT Long Hải	1	3	2	6
5.	Bóng chuyền	10-25/3/2026	THPT Tây Thạnh, THPT Linh Trung, TiH-THCS-THPT Nam Sài Gòn THPT An Mỹ, THPT Nguyễn Đình Chiểu, THCS Định Hòa, THCS Nguyễn Thị Minh Khai THPT Võ Thị Sáu	2	2	2	6
6.	Bóng rổ	3/2026	THPT Nam Sài Gòn, THPT Tạ Quang Bửu, THPT chuyên Lê Hồng Phong THPT chuyên Hùng Vương, THPT Võ Minh Đức, THPT Trịnh Hoài Đức THPT chuyên Lê Quý Đôn, THPT Vũng Tàu	2	4	2	8
7.	Bóng ném	1-3/2026	TT Cung ứng DV VHTT phường	2	4	2	8

			Xuân Hòa TT Cung ứng DV VHTT phường Phú Lâm THPT Võ Minh Đức THPT Võ Thị Sáu				
8.	Cầu lông	3/2026	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Cung ứng DV VHTT phường An Hội Đông THPT chuyên Hùng Vương THPT chuyên Lê Quý Đôn	4	10	5	19
9.	Cờ vua	3/2026	THCS-THPT Trần Đại Nghĩa THPT Trịnh Hoài Đức THPT chuyên Lê Quý Đôn	12	12	6	30
10.	Cờ tướng	3/2026	THCS-THPT Trần Đại Nghĩa THPT Trịnh Hoài Đức THPT chuyên Lê Quý Đôn	12	12	6	30
11.	Đá cầu	01- 15/3/2026	Trung tâm Cung ứng DV VHTT phường Phú Lâm THPT Trịnh Hoài Đức THPT chuyên Lê Quý Đôn	14	14	7	35
12.	Đẩy gậy	01/2026	Trường PT NK TDTT Bình Chánh		12	16	28
13.	Bi sắt	02/2026	PT NK TDTT Nguyễn Thị Định Trung tâm GDNN-GDTX Phú Giáo Nhà thi đấu TDTT Bà Rịa – Vũng Tàu	4	6	8	18
14.	Karate	03/3- 22/3/2026	Trung tâm Cung ứng DV VHTT Phường Tân Thới Hiệp THPT Trịnh Hoài Đức THPT chuyên Lê Quý Đôn	23	25	27	75
15.	Kéo co	01/2026	Trường PT NK TDTT Bình Chánh THPT Trịnh Hoài Đức Trung tâm HLTĐ TDTT KV3	4	4	4	12
16.	Taekwondo	01- 15/3/2026	Trung tâm Cung ứng DV VHTT Phường Tân Thới Hiệp THPT Trịnh Hoài Đức Trung tâm HLTĐ TDTT KV3	29	29	29	87

